

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/07/2026

Group B/2

Round 5

Board 1

WHITE R Chakrabarty Reyaansh				FED Australia				RESULT (W) 0			
BLACK Oishik Mondal				FED India				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nxd4a15	Qxd1a37	41	Bxc4	Rxc4			
2	d4	d5	22	Ke2	a5	42	Rd10a1	Rxg4a10			
3	Nc31:25	Bb41:31	23	Qb3	Qg5	43	Rd7	f6			
4	e5	c5	24	f40:10	Qc5a27	44	Rb6	Rxa4			
5	a3	Ba5	25	Nf3	b6	45	Rxb6a101	Rb40:11			
6	b41:25	cx d41:32	26	Qe3E)	Qxe3t	46	Kd3	Kxf5			
7	Qg4	Ne7	27	Kxe30:05	Bb70:25	47	Kc3	e4			
8	Nb5	Bc7	28	Be2	Rc8	48	Rb80:02	Kf4a:11			
9	Qxg71:17	Rg81:14	29	Rc1	Bxf3	49	b60:03	f5			
10	Qf6	Nd7	30	Bxf30:05	Rc50:21	50	b7	Ke3			
11	Qh4	ab	31	g4	h6	51	Rf80:04	Rxb70:11			
12	Nxc7a:59	Qxc7a:02	32	h3	Ke7	52	Rxf5	Rc7t			
13	Qxd4	Nf5	33	a40:05	Rd80:20	53	Kb3	Kd2			
14	Qb2	Nxe3	34	Be2	e5	54	Rd5t0:05	Ke20:12			
15	g30:52	d40:56	35	f5	Rd4	55	Rxa5	e3			
16	b5	Nc4	36	Bd30:03	Kf60:14	56	Re5	Kd2			
17	Qb4	Qe5Qe5t	37	Rf1	h5	57	Rd5t0:06	Ke10:13			
18	Ne20:28	d30:41	38	Rg1	hxg4	58					
19	cx d3	Qxa1	39	hxg40:02	Kg50:11	59					
20	dx c4	Nd4	40	Be2	Rxc4	60					
SIGNATURE (WHITE) R.C				SIGNATURE (BLACK) Oishik.M				SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xu			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/2026

Group B/2

Round 5

Board 1

WHITE R Chakrabarty Reyaansh				FED Aus				RESULT (W) 0			
BLACK Oishik Mondal				FED IND				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Nxd4	Qxd4	41	Rc4	Rc4			
2	d4	d5	22	Ke2	a5	42	Rd1	Rxg4			
3	Nc3	Bb4	23	Qb3	Qg5	43	Rd7	f6			
4	e5	c5	24	f40:10	Qc5a27	44	Rb6	Rxa4			
5	a3	Ba5	25	Nf3	b6	45	Rxb6a101	Rb40:11			
6	b41:25	cx d41:32	26	Qe3E)	Qxe3t	46	Kd3	Kxf5			
7	Qg4	Ne7	27	Kxe30:05	Bb70:25	47	Kc3	e4			
8	Nb5	Bc7	28	Be2	Rc8	48	Rb80:02	Kf4a:11			
9	Qxg71:17	Rg81:14	29	Rc1	Bxf3	49	b60:03	f5			
10	Qf6	Nd7	30	Bxf30:05	Rc50:21	50	b7	Ke3			
11	Qh4	ab	31	g4	h6	51	Rf80:04	Rxb70:11			
12	Nxc7a:59	Qxc7a:02	32	h3	Ke7	52	Rxf5	Rc7t			
13	Qxd4	Nf5	33	a40:05	Rd80:20	53	Kb3	Kd2			
14	Qb2	Nxe3	34	Be2	e5	54	Rd5t0:05	Ke20:12			
15	g30:52	d40:56	35	f5	Rd4	55	Rxa5	e3			
16	b5	Nc4	36	Bd30:03	Kf60:14	56	Re5	Kd2			
17	Qb4	Qe5Qe5t	37	Rf1	h5	57	Rd5t0:06	Ke10:13			
18	Ne20:28	d30:41	38	Rg1	hxg4	58					
19	cx d3	Qxa1	39	hxg40:02	Kg50:11	59					
20	dx c4	Nd4	40	Be2	Rxc4	60					
SIGNATURE (WHITE) R.C				SIGNATURE (BLACK) Oishik.M				SIGNATURE (ARBITER) Jiang Xu			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.43

2026年 第28届 亚洲青少年国际象棋锦标赛				Group U12		Round 5		Date		Board 2	
WHITE Nguyen Luong Vu				FED VIE		RESULT (W)		0			
BLACK Tulegen R				FED KAZ		RESULT (B)		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c6	21	f4	d5	41	h4	h2			
2	d4	d5	22	f5	d6	42	h5	h3			
3	h3	d6	23	h4	c4	43	h6	h1			
4	h4	h6	24	h5	h6	44	h7	h4			
5	h6	d1	25	d1	h4	45	h8	a4			
6	c3	d5	26	g5	h4	46	h9	h5			
7	c4	h6	27	h3	h4	47	h10	g5			
8	h2	g6	28	h4	h5	48	h11	h6			
9	d0	h1	29	h5	h5	49	h12	h7			
10	c3	h0	30	h6	h4	50	h13	h8			
11	h1	h7	31	h7	h5	51	h14	h9			
12	h12	h5	32	h8	h6	52	h15	h10			
13	h16	h5	33	h13	h4	53	h16	h11			
14	h17	h6	34	h14	h4	54	h17	h12			
15	h18	h6	35	h15	h4	55	h18	h13			
16	h19	h8	36	h16	h4	56	h19	h14			
17	h20	h8	37	h17	h4	57	h20	h15			
18	h21	h8	38	h18	h4	58	h21	h16			
19	h22	h8	39	h19	h4	59	h22	h17			
20	h23	h8	40	h20	h4	60	h23	h18			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

						SPAIN BACN PREF. 000000				Date 19/12		Round 5			
WHITE Nguyen Luong Vu								FED VIE		RESULT (W)		0			
BLACK Tulegen Ramazim								FED KAZ		RESULT (B)		1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	h4	c6	21	h4	h2	41	h4	h2	61	h4	h2	81	h4	h2	
2	h4	c6	22	h4	h2	42	h4	h2	62	h4	h2	82	h4	h2	
3	h4	c6	23	h4	h2	43	h4	h2	63	h4	h2	83	h4	h2	
4	h4	c6	24	h4	h2	44	h4	h2	64	h4	h2	84	h4	h2	
5	h4	c6	25	h4	h2	45	h4	h2	65	h4	h2	85	h4	h2	
6	h4	c6	26	h4	h2	46	h4	h2	66	h4	h2	86	h4	h2	
7	h4	c6	27	h4	h2	47	h4	h2	67	h4	h2	87	h4	h2	
8	h4	c6	28	h4	h2	48	h4	h2	68	h4	h2	88	h4	h2	
9	h4	c6	29	h4	h2	49	h4	h2	69	h4	h2	89	h4	h2	
10	h4	c6	30	h4	h2	50	h4	h2	70	h4	h2	90	h4	h2	
11	h4	c6	31	h4	h2	51	h4	h2	71	h4	h2	91	h4	h2	
12	h4	c6	32	h4	h2	52	h4	h2	72	h4	h2	92	h4	h2	
13	h4	c6	33	h4	h2	53	h4	h2	73	h4	h2	93	h4	h2	
14	h4	c6	34	h4	h2	54	h4	h2	74	h4	h2	94	h4	h2	
15	h4	c6	35	h4	h2	55	h4	h2	75	h4	h2	95	h4	h2	
16	h4	c6	36	h4	h2	56	h4	h2	76	h4	h2	96	h4	h2	
17	h4	c6	37	h4	h2	57	h4	h2	77	h4	h2	97	h4	h2	
18	h4	c6	38	h4	h2	58	h4	h2	78	h4	h2	98	h4	h2	
19	h4	c6	39	h4	h2	59	h4	h2	79	h4	h2	99	h4	h2	
20	h4	c6	40	h4	h2	60	h4	h2	80	h4	h2	100	h4	h2	
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group U12
Round 5
Date
Board 2

WHITE Nguyen Luong Vu			FED vie			RESULT (W) 0		
BLACK T.R			FED kaz			RESULT (B) 1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h4	h2	21			41		
2	h4	h4	22			42		
3	h4	h3	23			43		
4	h4	h2	24			44		
5	h4	h4	25			45		
6	h4	h2	26			46		
7	h4	h3	27			47		
8	h4	h2	28			48		
9	h4	h3	29			49		
10	h4	h2	30			50		
11	h4	h4	31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE) 			SIGNATURE (BLACK) S.			SIGNATURE (ARBITER) 		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12		Round 5		Date 19/12		Board 2		
WHITE Nguyen Luong Vu		FED VIE		RESULT (W)		0		
BLACK Tulegen Ramazim		FED KAZ		RESULT (B)		1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rg1	Kf2	21			41		
2	Rg8	f4	22			42		
3	Rf8	f3	23			43		
4	Rg8	Kc2	24			44		
5	Rc8	Kf1	25			45		
6	Rf8	f2	26			46		
7	Rg8	Rd7	27			47		
8	Rg7	Kc2	28			48		
9	Re7	Kf3	29			49		
10	Rd8	Na	30			50		
11	Rf8	Rc1	31			51		
12		Rc1	32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)				
Ka		J		1/8				



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
B2
Round
5
Date
19/10
Board
4

WHITE Bu Qing Hu		BLACK Xiao Zhen		RESULT (W)	
FED CHN		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	Qc4	g4
2	h3	d6	22	Bg3	h3
3	d4	c4	23	d4	c5
4	Nd4	Nf4	24	Kf1	Q4
5	N3	d6	25	d4	c5
6	Bg5	d6	26	Bd4	h3
7	f4	h6	27	Rd4	Q5
8	Bd4	Qd6	28	Bg3	h3
9	d3	Bd7	29	Nd4	h3
10	Bd2	Qd7	30	Rd4	h3
11	Qd3	Nd7	31	Gd4	h3
12	0-0-0	b5	32	0-0-0	b5
13	g4	b5	33	Nd4	h3
14	Bd3	g5	34	K2	g5
15	f5	Nd7	35	f6	g5
16	Qd3	Nd7	36	K3	g5
17	c4	d5	37	Qd5	g5
18	Nd2	Rd6	38	Nd5	g5
19	Rd1	h5	39	Bd2	g5
20	d4	c5	40	Qd5	g5
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
B2
Round
5
Date
19/10
Board
5

WHITE Quang Huy		BLACK Munawar Islam		RESULT (W)	
FED VIE		FED INA		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21	Qd3	h6
2	h3	d6	22	cg3	h6
3	d4	c4	23	d4	c5
4	Nd4	Nf4	24	Qd4	h6
5	N3	d6	25	d4	c5
6	Bg5	d6	26	Qd5	h6
7	f4	h6	27	Qd4	h6
8	Bd4	Qd6	28	Qd5	h6
9	d3	Bd7	29	Qd4	h6
10	Bd2	Qd7	30	Qd4	h6
11	Qd3	Nd7	31	Qd4	h6
12	0-0-0	b5	32	Qd4	h6
13	g4	b5	33	Qd4	h6
14	Bd3	g5	34	Qd4	h6
15	f5	Nd7	35	Qd4	h6
16	Qd3	Nd7	36	Qd4	h6
17	c4	d5	37	Qd4	h6
18	Nd2	Rd6	38	Qd4	h6
19	Rd1	h5	39	Qd4	h6
20	d4	c5	40	Qd4	h6
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
B2
Round
5
Date
19/10
Board
4

WHITE Bu Qing Hu		BLACK Xiao Zhen		RESULT (W)	
FED CHN		FED CHN		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Qd4	f3	21		
2	Qd3	Qd6	22		
3	Kd4	f2	23		
4	Kd4	Qd6	24		
5	Kd5	Qd6	25		
6	Kd6	f2	26		
7	Qd7	h3	27		
8	Qd7	Qd5	28		
9	Qd4	h3	29		
10			30		
11			31		
12			32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group
B2
Round
5
Date
19/10
Board
4

WHITE Rui Qunxi		BLACK Munawar Islam		RESULT (W)	
FED CHN		FED INA		RESULT (B)	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	c5	21		
2	h3	d6	22		
3	Qd4	h6	23		
4	Qd4	h6	24		
5	Qd5	h6	25		
6	Qd6	h6	26		
7	Qd7	h6	27		
8	Qd7	h6	28		
9	Qd4	h6	29		
10			30		
11			31		
12			32		
13			33		
14			34		
15			35		
16			36		
17			37		
18			38		
19			39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.34

WHITE		Malanin, Egor		FED		RUS		RESULT (W)		0	
BLACK		Anetov, Amirzhan		FED		KAZ		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	J4	d5	21	LFH1	h6	41					
2	Q4	e6	22	Q4	Pe5	42					
3	KC3	c5	23	CF2	Qd5	43					
4	C8	e1	24	KPh1	Qd2	44					
5	KF3	KC6	25	ld2	Pe2	45					
6	dc	J4	26	LF1	dc1	46					
7	Ka4	cc5	27	b3	cd5	47					
8	KC5	Pa5	28	Q4	cc4	48					
9	Q2	Pe5	29	b6	lc4	49					
10	lc1	Qb6	30	Pe6	Pa2	50					
11	e3	Fe	31	Pe8	KPh4	51					
12	Qb3	Pa5	32	Pe3	g6	52					
13	Ka2	Kb6	33	cd4	Kb5	53					
14	cc4	O-O	34	Pe3	Q4	54					
15	O-O	Ke5	35	Cb2	Pe5	55					
16	Cb3	b6	36	Pe3	KP4	56					
17	Kc4	Kc4	37	Pe3	Pe2	57					
18	cc4	Cb4	38			58					
19	Pe3	Ph5	39			59					
20	F3	lad8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
						Jiang Xu					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

18.34

WHITE		Malanin E		FED		GR45		RESULT (W)		0	
BLACK		Anetov A		FED		Kaz		RESULT (B)		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Rd4	h6	41					
2	c4	e6	22	Qd4	Qe5	42					
3	Nc3	c5	23	Bf2	Qd5	43					
4	Qd	Q1	24	Kh1	Rd2	44					
5	Nf3	Nc8	25	Rd2	Qd2	45					
6	dC	d4	26	Rd1	Rc8	46					
7	Nd4	Bc5	27	Qd	Rd5	47					
8	Nc5	Qd5	28	Qd7	Bc4	48					
9	Bd2	Qc6	29	6C	Rc4	49					
10	Rc7	Qb6	30	Qb6	Qd2	50					
11	e3	dC	31	Qd8	Kh7	51					
12	Bd3	Qd5	32	Qd3	g6	52					
13	Nd2	Nf6	33	Bd4	Nd5	53					
14	Bc4	O-O	34	Qd3	Qd4	54					
15	OO	Ne5	35	Bd6	Qd5	55					
16	Bd3	66	36	Qd3	Nf4	56					
17	Nc4	Nc4	37	Qd3	Qd2	57					
18	Bc4	Bd2	38			58					
19	Qd3	Qd5	39			59					
20	f3	Rd8	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group **B2**
Round **5**
Board **7**

WHITE Nguyen Xuan Phuong				FED	RESULT (W)
BLACK BAI NO XUAN				FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	b4	Rc8
2		g3 b6	22	a3	Ba6
3	Bg2	Bb7	23	Nc3	Nh5
4		0-0 e6	24	Nc2	Bh6
5	c4	c5	25	Pg4	e5
6	Nc3	Bc7	26	Ng4	Bg7
7	Bd1	0-0	27	Fc5	gfs
8	Qd4	d6	28	Nc3	Bh6
9	d4	cd4	29	Rc8	Bc8
10	Nd4	Qc8	30	Nf5	Re6
11	b3	a6	31	Bc1	Bf8
12	Bb2	Qc7	32	Qd3	Bb7
13	Rc1	Nbd7	33	Nc3	Bc6
14	h3	Rfe8	34	Nd5	Nh6
15	Qd2	Rad8	35	Bg5	Bd5
16	Qc2	Rf8	36	e4	Re8
17	Qb1	g6	37	Qf3	e4
18	Nc2	Qb8	38	Qf4	Nd5
19	Kh2	b5	39	Bg4	Nc5
20	cb5	ab5	40	Qd4	Nc3
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group **B2**
Round **5**
Board **7**

WHITE Nguyen Xuan Phuong				FED	RESULT (W)
BLACK BAI NO XUAN				FED	RESULT (B)
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	b4	Rc8
2	g3	b6	22	a3	Ba6
3	Bg2	Bb7	23	Nc3	Nh5
4		0-0 e6	24	Nc2	Bh6
5	c4	c5	25	Pg4	e5
6	Nc3	Bc7	26	Ng4	Bg7
7	Bd1	0-0	27	Fc5	gfs
8	Qd4	d6	28	Nc3	Bh6
9	d4	cd4	29	Rc8	Bc8
10	Nd4	Qc8	30	Nf5	Re6
11	b3	a6	31	Bc1	Bf8
12	Bb2	Qc7	32	Qd3	Bb7
13	Rc1	Nbd7	33	Nc3	Bc6
14	h3	Rfe8	34	Nd5	Nh6
15	Qd2	Rad8	35	Bg5	Bd5
16	Qc2	Rf8	36	e4	Re8
17	Qb1	g6	37	Qf3	e4
18	Nc2	Qb8	38	Qf4	Nd5
19	Kh2	b5	39	Bg4	Nc5
20	cb5	ab5	40	Qd4	Nc3
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
19/7/2026

Group
B12
Round
5
Board
8

WHITE			Chen Zianlin			FED			CHN			RESULT (W)		
BLACK			Le Phan Hoang Quan			FED			VIE			RESULT (B)		
												1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	1.27 c5	1.30	21	Rf2 1.04	f6 1.26	41	RA2	Q93					
2	Nf3	1.27 e6	1.31	22	Rg1 0.55	Rf1 1.25	42	Qd4	Qxh3					
3	d4	1.27 exd4	1.31	23	Rg4 0.00	f5 1.25	43	1.91	Q93					
4	Nxd4	1.28 a6	1.32	24	exf7 0.49	Ng9 1.25	44	Kf1	h6					
5	c4	1.28 Nf6	1.32	25	fxg5 0.00	Nxg5 1.25	45	Qd7	h6b					
6	Nc3	1.28 Qc7	1.32	26	Qe3 0.44	Rxf3 1.25	46	Qxg5	Rc8					
7	a3	1.28 b6	1.33	27	R92	c67	47	Ue1	Q91					
8	Be3	1.28 Bb7	1.32	28	R91 1.04	B92	48	Rf1	Qe3					
9	f3	1.28 Be7	1.33	29	Rxg2	exf3 1.21	49							
10	Be2	1.28 c-o	1.34	30	Nd5 0.44	Bd1 1.19	50							
11	O-o	1.28 d6	1.34	31	Nef4 0.44	Rxd4 1.18	51							
12	Rc1	1.28 Nbd7	1.34	32	h3 0.44	Bxg1 1.18	52							
13	b4	1.28 Rac1	1.35	33	Rxg5 0.44	Qxf4 1.17	53							
14	Qd3	1.28 Qb8	1.35	34	Qxf4	Qrd5	54							
15	f4	1.28 Rfe1	1.35	35	R92	Nd3 1.17	55							
16	Kh1	1.27 Bd8	1.34	36	Q93	Nxf2	56							
17	Bf3	1.25 Bc7	1.34	37	Qxf2	b5	57							
18	Nde2	1.23 Nf1	1.31	38	Q97	Qe1	58							
19	Q4	1.08 Ng6	1.27	39	Qxg6	A4	59							
20	Q5	1.05 Nd7	1.27	40	Qb6	c3	60							
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)						

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



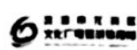
Date
6.19

Group
B12
Round
5
Board
8

WHITE			CHN			RESULT (W)		
BLACK			VIE			RESULT (B)		
Chen, Xianlin								
Le Phan Hoang Quan								
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	C5	21	Bf2	S6	41	1252	Q55
2	Nf3	eb	22	Q91	1256	42	Q44	Q45
3	d4	C4	23	R94	S5	43	K51	Q93
4	Nd4	ab	24	C5	N005	44	K51	h6
5	C4	Nf6	25	fe	IV05	45	Q45	K48
6	IVC3	QC7	26	Qe3	Bf3	46	Qb5	1208
7	a3	b6	27	R92	Qb7	47	14e1	Q51
8	Be3	Bb7	28	Rc91	B92	48	R51	Qe5
9	f3	Bc7	29	R92	ef	49		
10	Be2	O-O	30	Nd5	Bd8	50		
11	O-O	db	31	IVepp	Rc4	51		
12	Rc1	Nbd7	32	h3	B95	52		
13	b4	Rac5	33	R98	R99	53		
14	Qd3	Qb8	34	Q54	Q45	54		
15	f4	Rfe8	35	R92	IV43	55		
16	1ch1	Bd8	36	Q53	Nf2	56		
17	Bf3	BC7	37	Q52	b5	57		
18	Nae2	IV58	38	Q47	Qe5	58		
19	Q4	Nf6	39	Qab	S4	59		
20	95	Nd7	40	Qb6	S3	60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

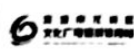


Date

Group
B12
Round
5
Board
9

WHITE				FED		RESULT (W)		
Barkyt Rauan				KAZ		5		
BLACK				FED		RESULT (B)		
Hoang Minh Hieu				VIE		7		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bg5	Bf6	41		
2	c4	c5	22	Bf6	Qf6	42		
3	d5	e6	23	Bb5	ab	43		
4	Nf3	ed	24	Re3	ad4	44		
5	cd	d6	25	Qc1	b4	45		
6	NC3	g6	26	Nu4	RA6	46		
7	e4	Bg7	27	Rd1 Rd1	ah4	47		
8	Nd2	00	28	b5	Bd4	48		
9	Be2	a6	29	g3	Qf5	49		
10	a4	Nbd7	30	Qc2	RA4	50		
11	00	Rb8	31	b6	Bu4	51		
12	Qc2	Ne8	32	ah1	Qf6	52		
13	NC4	Ne5	33	ah1	Qe4	53		
14	Bf4	NC4	34	Qc2	Rf5	54		
15	BC4	f5	35	2014	2014	55		
16	ef	Bf5	36	Rd5	c4	56		
17	Qd2	NC7	37	Rd4	c3	57		
18	as	b5	38			58		
19	ab	Rb6	39			59		
20	RAe1	Nb5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B12
Round
5
Board
9

WHITE <u>Bakyt, Rauan</u>			FED <u>KAZ</u>			RESULT (W) <u>0</u>		
BLACK <u>Hoang Minh Hieu</u>			FED <u>VIE</u>			RESULT (B) <u>1</u>		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Bg5	Bf6	41		
2	c4	c5	22	Bf6	Qf6	42		
3	d5	e6	23	Bb5	ab	43		
4	Nf3	ed	24	Re3	Qd4	44		
5	cd	d6	25	Qc1	b4	45		
6	Nc3	g6	26	Na4	Ra6	46		
7	e4	Bg7	27	Rd1	Qh4	47		
8	Nd2	0-0	28	b3	Bd7	48		
9	Be2	a6	29	g3	Qf6	49		
10	a4	Nbd7	30	Qc2	Ra4	50		
11	0-0	Ab8	31	ba	Ba4	51		
12	Qc2	Ne8	32	Qa4	Qf2	52		
13	Nc4	Nc5	33	Kf1	Qe3	53		
14	Bf4	Nc4	34	Qc2	Rf2	54		
15	Bc4	f5	35	Qd3	Qd3	55		
16	ef	Bf5	36	Rd3	c4	56		
17	Qd2	Nc7	37	Rd4	c3	57		
18	a5	b5	38			58		
19	ab	Rb6	39			59		
20	Rae1	Nb5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B12
Round
5
Board
10

WHITE Nguyen Quang Anh		FED VIE	RESULT (W) 1F					
BLACK Tran Pham Quang Minh		FED VIE	RESULT (B) 0F					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4		21			41		
2			22			42		
3			23			43		
4			24			44		
5			25			45		
6			26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE) anh		SIGNATURE (BLACK) mm		SIGNATURE (ARBITER) /k				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B12
Round
5
Board
10

WHITE		FED	RESULT (W) 1F					
BLACK		FED	RESULT (B) 0F					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1			21			41		
2			22			42		
3			23			43		
4			24			44		
5			25			45		
6			26			46		
7			27			47		
8			28			48		
9			29			49		
10			30			50		
11			31			51		
12			32			52		
13			33			53		
14			34			54		
15			35			55		
16			36			56		
17			37			57		
18			38			58		
19			39			59		
20			40			60		
SIGNATURE (WHITE) anh		SIGNATURE (BLACK) mm		SIGNATURE (ARBITER) /k				



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19

Board 11

Group U12
Round 5

1A 36

WHITE						FED		RESULT (W)	
Solovnikov, Ivan						RUS		1	
BLACK						FED		RESULT (B)	
Feng, Kexin						China		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Kt6	21	CxR6	CP6	41	Lt3	34	
2	Kt3	S6	22	E5	CS7	42	Ph4	467	
3	C4	CS7	23	CP7	LC7	43	Lt6	Lt6	
4	KC3	O-O	24	Kd6	Lt7	44	PE	PL6	
5	CS5	d6	25	KPM	Lt7	45	Ph57	Ph6	
6	P3	C5	26	d6	LC8	46	Ph6	476	
7	d5	a6	27	Ph4	Lt8	47	Lt4	455	
8	Cd3	L6	28	L45	C3	48	L4	43	
9	a4	L1	29	Lt7	477	49	LC6	474	
10	Cd	CS4	30	Ph6	498	50	Lt6	Cd4	
11	R3	Ct3	31	L7	Ph5	51	Lt6	LC3	
12	Ph3	Lt67	32	Ph6	Lt8	52	Lt5	Ph4	
13	O-O	Kt5	33	Ph2	Lt6	53	Lt5	Ph4	
14	Ph7	Lt3	34	Lt6	Ph6	54	Lt5	Ph4	
15	Ph3	LC8	35	Ph3	Lt5	55	a6	Ct2	
16	Ph7	Lt8	36	Lt7	Ph6	56	Lt7	Ph6	
17	L4	C4	37	L5	478	57	a6	Ph6	
18	Ph3	Ph6	38	LC8+	Ph6	58	Lt7	Cd4	
19	Ph1	Ph62	39	Lt5	Ph6	59	Lt4	Ct2	
20	Lt6	Ph2	40	LC3	45	60	Lt7	Ph6	
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Board 11

Group U12
Round 5

1A 36

WHITE						BLACK						FED						RESULT (W)					
Solovnikov, Ivan						Feng, Kexin												1					
BLACK						WHITE						BLACK						RESULT (B)					
Feng, Kexin																		0					
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	d4	Kt6	21	CxR6	CP6	41	Lt3	34															
2	Nf3	S6	22	E5	CS7	42	Ph4	467															
3	C4	Bg7	23	Nd4	RC7	43	Lt6	Lt6															
4	Rb3	o-o	24	Nf6	Lt7	44	PE	PL6															
5	Lt4d6		25	NP4	PL7	45	Ph57	Ph6															
6	E3C5		26	Lt	RC8	46	Ph6	476															
7	d5	a6	27	Ph4	PL8	47	Lt4	455															
8	Ph3	E6	28	Ph5	C3	48	L4	43															
9	R4	E4	29	Ph7	1640	49	Ph6	474															
10	Cd	RC4	30	Ph6	Kt6	50	Ph6	Ph6															
11	H3	B4	31	P7	Ph5	51	Ph6	LC3															
12	Ph3	Ph7	32	Ph6	Ph6	52	Ph5	Ph6															
13	O-O	Ph5	33	Ph2	Ph6	53	Ph5	Ph4															
14	Ph7	Ph7	34	Ph7	Ph6	54	Ph5	Ph4															
15	Ph3	Ph8	35	Ph3	Lt5	55	a6	Ct2															
16	Ph7	Ph8	36	Lt7	Ph6	56	Lt7	Ph6															
17	L4	C4	37	L5	478	57	a6	Ph6															
18	Ph3	Ph6	38	Ph6	Ph7	58	Lt7	Cd4															
19	Ph1	Ph62	39	Ph6	Ph6	59	Lt4	Ct2															
20	Ph6	Ph2	40	Ph3	45	60	Lt7	Ph6															
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)											
Feng, Kexin						Solovnikov, Ivan																	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.19

Board 12

WHITE Tsopilov, Artom Den				FED 1997				RESULT (W) 1			
BLACK Lin Qingyun				FED 1904				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	Qd1	Nd6	41	h5	g3			
2	Nf3	e6	22	h4	a5	42	Qd3	1c6			
3	g3	d5	23	Nb6	Bb8	43	Qa4	Qd6			
4	Bg2	d4	24	cb6	a6	44	Qf5	Qd6			
5	0-0	c5	25	Nb4	Nc5	45	Qd5	Kg7			
6	Q3	Nc6	26	a5	Qd6	46	Qd5	Qa6			
7	d13	Bd6	27	Qc2	Bf5	47	Qd5	1c6			
8	Qd	cd	28	Qa3	Rb6	48	1c6	1c6			
9	Na3	0-0	29	Qd5	Rc5	49	Rb	f6			
10	Kc2	e5	30	Bb7	Bc17	50	Qb8	1c9			
11	b4	Qd8	31	Nab	Rc2	51	Qd8				
12	Qe1	a6	32	Qa1	Bc6	52					
13	Bg5	Bg4	33	Bc6	Rc6	53					
14	h3	Bc17	34	Qb4	Qd7	54					
15	c5	Bb8	35	b7	Rab	55					
16	Nd12	h	36	b8	Qb8	56					
17	Bf6	Qf6	37	Qb8	1c6	57					
18	Nc4	Bc7	38	Qa5	Qa7	58					
19	a4	Nd8	39	Qf5	g6	59					
20	Qe2	Qb8	40	Qc15	1c9	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Lin Qingyun							

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.26

Board 72

WHITE Tsopilov				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Lin Qingyun				FED Rus				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Kf6	21	Qe1	Kd6	41	G5	Qe5			
2	Kf3	e6	22	h4	Kb6	42	Kph7	1a4			
3	c3	d5	23	cb6	c6	43	1e6	Qf5			
4	cc2	d4	24	ab	Kb4	44	Kp67	Qd5			
5	0-0	c5	25	Kc5	a5	45	1a6	Qe5			
6	e3	Kc6	26	Qd6	1c2	46	Kph7	Kd42			
7	d3	cd	27	Qf5	1a3	47	Kp68	1b4			
8	ed	cd	28	1c8	1c5	48	f6	1b8			
9	Kd3	0-0	29	1c5	cb2	49	Kp67	Qe8			
10	Kc2	e5	30	cd7	Ka6	50					
11	b4	1e8	31	1c2	1a1	51					
12	1e1	a6	32	cc6	cc6	52					
13	cc5	cc4	33	1c6	Qb4	53					
14	h3	cd7	34	Qd7	b7	54					
15	c5	cb8	35	1a6	bd=9	55					
16	Kd2	h6	36	1b8	Qb8	56					
17	cf6	Qf6	37	Kph7	Qe5	57					
18	Kc4	cc7	38	Qa7	Qf5	58					
19	a4	Kd8	39	cc6	Qd5	59					
20	1e2	1b8	40	Kp67	L5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
				Lin Qingyun							



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.7.26 Board 13

Group B12
Round 5

WHITE Nguyen Nhat Khuong				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Safayat Kibria Azaan				FED BAN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Ke2	Na5	41	ab5	Ke8			
2	Nf3	Nc6	22	b3	b5	42	b6	Bf8			
3	Bb5	a6	23	h4	e4	43	h6	Kg8			
4	Bc6	dc6	24	dc4	bc5	44	Rg1	f4			
5	d3	Bg4	25	Rd5	Nb7	45	b7	fcs+			
6	O-O	Bf3	26	b4	Be2	46	Kf1	Rb7			
7	Bd6	Bd6	27	Rfd1	Rd5	47	Rb7				
8	Nc3	Qf6	28	ed5	Rd7	48					
9	Qg3	Qg6	29	Ne4	Nd6	49					
10	Ne2	Qg3	30	Nd2	h5	50					
11	Ng3	Ne7	31	Bc5	Nb5	51					
12	f4	f6	32	Nb1	bg4	52					
13	Bd6	Ng6	33	a4	Nd6	53					
14	f5	Ne7	34	Bd6	cd6	54					
15	Nd2	c5	35	Rg1	g6	55					
16	Rad1	Nc6	36	fg6	f5	56					
17	c3	O-O-O	37	h5	Bg5	57					
18	Kf2	Rd7	38	Nd2	Kd8	58					
19	g4	h6	39	Nc4	Ke7	59					
20	Ng3	Rhd8	40	bb	ab5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7 Board 13

Group B12
Round 5

WHITE Nguyen Nhat Khuong				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Safayat Kibria Azaan				FED BAN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 1:30	e5 1:30	21	Ke2 1:14	Na5 57	41	ab	Kf8			
2	Nf3 1:30	Nc6 1:31	22	b3 1:14	b5 56	42	b6	Bd8			
3	Bb5 1:30	a6 1:31	23	h4 1:11	cd4 48	43	h6	Kg8			
4	Bc6 1:30	dc6 1:31	24	dc6 1:11	bc 48	44	Rb1	F4			
5	d3 1:30	Bg4 1:28	25	Rd5 1:10	Nb7 47	45	b7	f3			
6	O-O 1:31	Bf3 1:28	26	b4 1:07	Be7 42	46	Kf1	Rb7			
7	Qf3 1:30	Bd6 1:28	27	Rfd1 1:05	Rd5 33	47	Rb7				
8	Nc3 1:30	Qf6 1:25	28	ed 1:05	Rd7 30	48					
9	Qg3 1:29	Qg6 1:21	29	Ne4 1:05	Nd6 29	49					
10	Ne2 1:27	Qg3 1:15	30	Nd2 1:00	h5 22	50					
11	Ng3 1:27	Ne7 1:15	31	Bc5 55	Nb5 19	51					
12	f4 1:23	f6 1:15	32	Nb1 56	hg 15	52					
13	Be3 1:23	Ng6 1:11	33	ag 55	Nd6 61	53					
14	f5 1:21	Ne7 1:02	34	Bd6 56	cd 5	54					
15	Ne2 1:21	c5 1:08	35	Rg1 56	g6 4	55					
16	Rad1 1:19	Nc6 1:08	36	fg 55	f5 2	56					
17	c3 1:19	O-O-O 1:07	37	h5 55	Bg5 2	57					
18	Kf2 1:19	Rd7 1:06	38	Nd2	Kd8	58					
19	g4 1:17	h6 1:05	39	Nc4	Ke7	59					
20	Ng3 1:16	Rhd8 59	40	h5	ab	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 5
Board 14

WHITE Nguyen Truong An Khang				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Mokhuzov Alisher				FED KAZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	h3	kd6	41	kp12	ke4			
2	c4	c6	22	kd4	g5	42	ke4	ce4			
3	ec3	kd6	23	g6	g4	43	nc7	cd5			
4	cd	ed	24	ad2	cd2	44	kes	kd6			
5	cg5	c6	25	ad2	b5	45	nc8	kes7			
6	e3	ce7	26	ae1	cc6	46	ag8	cs			
7	cd3	kbd2	27	ke7	ae7	47	ag7	kp6			
8	ke2	o-o	28	de	kd7	48	kd2	e4			
9	o-o	ae8	29	ad8	ae6	49	kp3	kd6			
10	f3	kd8	30	ae8	ce8	50	kes	e3			
11	ec2	g6	31	ae5	c4	51	ag6	kd7			
12	e4	de	32	ag5	ke8	52	kd5	c3			
13	de	ce6	33	ae4	b4	53	ad6				
14	es	g4	34	ka2	b3	54					
15	ce7	ge7	35	ec3	kes7	55					
16	kd2	cs	36	as	cb7	56					
17	d5	cd7	37	nc5	kd6	57					
18	cg6	hg6	38	nc7	kd6	58					
19	eb	ef	39	ad7	kes	59					
20	db	ph4	40	ag7	cg5	60					
SIGNATURE (WHITE) Khang				SIGNATURE (BLACK) Alisher				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 5
Board 14

WHITE Nguyen Phan Anh Khang				FED VIE				RESULT (W) 1			
BLACK Mokhuzov Alisher				FED KAZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	h3	kd6	41	ef2	Ne7			
2	c4	c6	22	kd4	g5	42	Ne7	Ne7			
3	nc3	kd6	23	Ng6	cd4	43	Pe7	kd5			
4	cd5	cd5	24	ff2	cd2	44	ke3	kd6			
5	Bg5	g6	25	fxd2	g6	45	fc8	kd7			
6	e3	Be7	26	Pe1	g6	46	fg8	es			
7	Bd3	kd7	27	Ne7	Ke7	47	fg7	kd6			
8	Ng2	o-o	28	dx7	kd7	48	kd2	ce			
9	o-o	ce8	29	fd8	ae6	49	ke3	kd6			
10	Bf3	kd8	30	fxa8	g7	50	kd4	e3			
11	ce2	Ng6	31	ce5	ce	51	fg6	kd7			
12	ce4	dx7	32	fxg5	Ne8	52	fxd5	es			
13	fxe4	Be6	33	at	g4	53	kd6				
14	es	kd7	34	kd7	kd7	54					
15	Be7	kd7	35	kd7	kd7	55					
16	kd2	cs	36	kd7	kd7	56					
17	d5	kd7	37	kd7	kd7	57					
18	Bg6	hg6	38	kd7	kd7	58					
19	eb	fxe6	39	kd7	kd7	59					
20	db	g7	40	kd7	kd7	60					
SIGNATURE (WHITE) Khang				SIGNATURE (BLACK) Alisher				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
7-19

Group
B12
Round
5
Board
15

WHITE Lv Ruiqi				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Ping Ancheng				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	1:30 c4	e6 1:30	21	0:36 Rh1	h6 0:43	41	Rd	Rd6			
2	1:31 Nf3	Nf6 1:30	22	0:36 Nc4	Rd8 0:42	42	Rd7	Rf6			
3	1:28 d4	Bd4 1:28	23	0:29 Ng3	c5 0:16	43	Ng7	Rf7			
4	1:28 Bc2	Qd7 1:28	24	0:29 Pf5	ef 0:36	44	Rf7	Rf7			
5	1:25 e3	Bd2 1:25	25	0:27 Nb5	Rd1 0:36	45	Nf5	Rd3			
6	1:23 Nbd2	a-o 1:25	26	R-o:28 Rd1	Rd8 0:32	46	Nd6	Rd5			
7	1:23 Bb3	g6 1:24	27	0:26 Nd6	Qd6 0:31	47	g4	Kg7			
8	1:21 a-o	Nd4 1:24	28	0:24 b3	Rd7 0:24	48	f4				
9	1:16 Qd2	e5 1:24	29	0:16 b3	Bd7 0:10	49					
10	1:15 Rde1	Rd8 1:24	30	Nd2	f4	50					
11	1:14 e4	As 1:09	31	Qc4	Bd5	51					
12	0:29 c5	dc 1:05	32	Qf4	Nd6	52					
13	0:57 Qd2	Nd4 1:05	33	Qg3	Nd5	53					
14	0:57 Qd6	fe 1:00	34	Nc4	Re7	54					
15	0:58 e5	Nf8 1:01	35	Nd5	Qd5	55					
16	0:50 Nc4	Nh6 0:51	36	Nf1	Qg3	56					
17	0:49 Nd5	b6 0:54	37	Ng3	Bg8	57					
18	0:42 Nc4	Nf5 0:54	38	Nf5	Re2	58					
19	0:41 Nd5	Kd8 0:48	39	Rd8	Af4	59					
20	0:39 Re1	RA7 0:44	40	Rd8	Ab	60					
SIGNATURE (WHITE) Lv Ruiqi				SIGNATURE (BLACK) Ping Ancheng				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



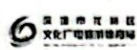
Date
2026/7/19

Group
B12
Round
5
Board
15

WHITE Lv Ruiqi				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
BLACK Ping Ancheng				FED CHN				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e6	21	Rd1	h6	41	Ab	Reb			
2	Nf3	Nf6	22	Nc4	Rd8	42	Rb1	Rf6			
3	d4	Bb4+	23	Nc3	c5	43	Nxg7	Rf7			
4	Bd2	Qd7	24	Bxf5	ef	44	Rxf7	Bxf7			
5	e3	Bd2	25	Nb5	Rd1	45	Nf5	Bxb3			
6	Nbd2	a-o	26	Rd1	Ra3	46	Nb6	Bd5			
7	Bd3	g6	27	Nd6	Qd6	47	g4	Kg7			
8	a-o	Nb6	28	b3	Rd7	48	f4				
9	Qd2	e5	29	h3	Bb7	49					
10	Rd1	Re8	30	Nd2	f4	50					
11	e4	a5	31	Qc4	Bd5	51					
12	c5	dc	32	Qd4	Nb6	52					
13	de	Nd4	33	Qd3	Nxg5	53					
14	eb	fe	34	Nd4	Re7	54					
15	e5	Nf8	35	Nxg5	Qd5	55					
16	Nc4	Nh6	36	Nf1	Qg3	56					
17	Nxg5	b6	37	Nxg3	Bg8	57					
18	Nc4	Nf5	38	Nf5	Re2	58					
19	Nd5	Kd8	39	Rd8	a4	59					
20	Rd1	Rd7	40	Rd8	Ab	60					
SIGNATURE (WHITE) Lv Ruiqi				SIGNATURE (BLACK) Ping Ancheng				SIGNATURE (ARBITER) /			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 5
Board 16

WHITE Xia Ziyi				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Song, Yihang				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qe4	Qb3	41	Bc3	Qc4			
2	Nf3	Nc6	22	Qb3	Qa4	42	Kc1	a3			
3	d4	cd	23	Bd4	0-0	43	de	a6			
4	Nd4	Qb6	24	Rhe1	Rc7	44	lcb1	fe			
5	Nb3	Nf6	25	c3	Rb8	45	Re3	Qa4			
6	Nc3	eb	26	Qb1	Qa5	46	Bb2	Rb2			
7	Be3	Qc7	27	Qc2	Rc4	47	ab2	Qd1			
8	a3	a6	28	Qe2	Qa4	48	Ka2	Rb2			
9	f4	d6	29	Qc2	Qb5	49					
10	Be2	Be7	30	Qe2	a5	50					
11	Qd2	b5	31	Kb1	a4	51					
12	0-0-0	Bb7	32	Qc2	Qc6	52					
13	g4	b4	33	Kc2	Rb3	53					
14	ab	Nb4	34	h4	Rc6	54					
15	Bf3	Rc8	35	Rd2	Rb8	55					
16	Nd4	Qa5	36	cd	Qb7	56					
17	Nb3	Na2	37	Ra3	Qa6	57					
18	Ng2	Qa2	38	h5	h5	58					
19	Qb4	Be4	39	Rc3	Bb4	59					
20	Be4	Ne4	40	cd	Bc3	60					
SIGNATURE (WHITE) Xia Ziyi				SIGNATURE (BLACK) Song, Yihang				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 5
Board 16

WHITE Xia Ziyi (1754 Std.)				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Song, Yihang (1941 Std.)				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4 90	c5 91	21	Qe4 46	Qb3 63	41	Bc3 14	Qc4 49			
2	Nf3 91	Nc6 91	22	Qb3 65	Qa4 63	42	Ka1 13	a3 49			
3	d4 90	cd 91	23	Bd4 65	0-0 62	43	dxe1 13	axb3 49			
4	Nxd4 90	Qb6 92	24	Rhe1 64	Rc7 61	44	Kb1 13	fxb6 49			
5	Nb3 91	Nf6 92	25	c3 62	Rb8 52	45	Re3 13	Qa4 50			
6	Nc3 90	eb 93	26	Qb1 52	Qa5 57	46	Bb2 13	Rb2 50			
7	Be3 91	Qc7 92	27	Qc2 50	Rc4 57	47	Qxb2 13	Qd1 50			
8	a3 91	a6 92	28	Qe2 47	Qa4 58	48	Ka2 13	Rb2 51			
9	f4 91	d6 90	29	Qe2 47	Qb5 57	49					
10	Be2 90	Be7 89	30	Qe2 47	a5 57	50					
11	Qd2 88	b5 89	31	Kb1 35	a4 57	51					
12	0-0-0 85	Bb7 88	32	Qc2 24	Qc6 55	52					
13	g4 85	b4 84	33	Ka2 23	Rb3 55	53					
14	axb4 84	Nb4 84	34	h4 21	Rc6 54	54					
15	Bf3 84	Rc8 82	35	Rd2 20	Rb8 54	55					
16	Nd4 76	Qa5 80	36	d4 18	Qb5 51	56					
17	Nb3 67	Na2 69	37	Rd3 15	Qb3 49	57					
18	Nxa2 67	Qxa2 70	38	h5 14	d5 49	58					
19	Qb4 66	Be4 62	39	Rc3 14	Bb4 48	59					
20	Bxe4 66	Nxe4 62	40	cd 14	Bc3 48	60					
SIGNATURE (WHITE) Xia Ziyi				SIGNATURE (BLACK) Song, Yihang				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group U12
Round 5
Date 2026.7.19 Board 17

WHITE Tran Minh Hieu				FED CHN				RESULT (A) 1/2			
BLACK Li Haoting				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Be2	Qe7	41	Bb3	Nd6			
2	c4	e6	22	Kh1	Nb7	42	Kb3	h5			
3	Nc3	Bb4	23	Qd4	Nd6	43	Be2	e4			
4	a3	Bxc3	24	a5	Nb7	44	Sh5	Nf5			
5	b3	c5	25	abb	abb	45	Kc2	Kd6			
6	f3	Nc6	26	b5	Qd4	46	Kd2	Nh6			
7	e4	h6	27	Nd1	Nb7	47	Ke3	Ke5			
8	Bb3	b6	28	Rb1	Be8	48	Kf2	f5			
9	Bb3	e5	29	Kh1	Rf8	49	Ke3	Nf7			
10	Ne2	Na5	30	h4	Qg7	50	Bd1	Nh6			
11	o-o	o-o	31	Rb1	Rb8	51	Bc2	Nb4			
12	f4	Re8	32	Qc5	bc5	52	Ke2	Kd6			
13	Re5	ed4	33	Rb8	Qg8	53	Kf1	Ke5			
14	Bb5	Bd4	34	Rg8	Kg8	54	Bd1	Nh6			
15	Bf6	g4	35	Kg2	h6	55	Kf2	Nf7			
16	d5	Kh8	36	Kf3	Kf7	56	h4	Nf6			
17	Qe1	f5	37	Ke3	Ke1	57	h5	f4			
18	Qd3	f6	38	Kd2	Ne4	58	Be2	Nf5			
19	Qe5	Rg8	39	Kf3	Nd6	59	Bg4	Nd6			
20	Qe3	Be2	40	Kc2	Ne4	60	Bd1	Kf5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK) Li Haoting				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 5
Date 19/07/2026 Board 17

WHITE Tran Minh Hieu				FED U E				RESULT (A) 1/2			
BLACK Li Haoting				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Be2	Qe7	41	Bb3	Nd6			
2	c4	e6	22	Kh1	Nb7	42	Kb3	h5			
3	Nc3	Bb4	23	Qd4	Nd6	43	Be2	e4			
4	a3	Bxc3	24	a5	Nb7	44	Sh5	Nf5			
5	b3	c5	25	abb	abb	45	Kc2	Kd6			
6	f3	Nc6	26	b5	Qd4	46	Kd2	Nh6			
7	e4	h6	27	Nd1	Nb7	47	Ke3	Ke5			
8	Bb3	b6	28	Rb1	Be8	48	Kf2	f5			
9	Bb3	e5	29	Kh1	Rf8	49	Ke3	Nf7			
10	Ne2	Na5	30	h4	Qg7	50	Bd1	Nh6			
11	o-o	o-o	31	Rb1	Rb8	51	Bc2	Nb4			
12	f4	Re8	32	Qc5	bc5	52	Ke2	Kd6			
13	Re5	ed4	33	Rb8	Qg8	53	Kf1	Ke5			
14	Bb5	Bd4	34	Rg8	Kg8	54	Bd1	Nh6			
15	Bf6	g4	35	Kg2	h6	55	Kf2	Nf7			
16	d5	Kh8	36	Kf3	Kf7	56	h4	Nf6			
17	Qe1	f5	37	Ke3	Ke1	57	h5	f4			
18	Qd3	f6	38	Kd2	Ne4	58	Be2	Nf5			
19	Qe5	Rg8	39	Kf3	Nd6	59	Bg4	Nd6			
20	Qe3	Be2	40	Kc2	Ne4	60	Bd1	Kf5			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK) Li Haoting				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group U12
Round 5
Date 2026.7.19 Board 17

WHITE Tran Minh Hieu				FED CHN				RESULT (A) 1/2			
BLACK Li Haoting				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h6	Kg6	21			41					
2	Bb3	Kh6	22			42					
3	Bb3	Ne4	23			43					
4	Kf3	Nd6	24			44					
5	Kf4	Nd4	25			45					
6	Kf5	Kg7	26			46					
7	Ke6	Kf8	27			47					
8	Ke2	Kf7	28			48					
9	Kc6	Ke7	29			49					
10	Kc5	Ne5	30			50					
11	c7	Nc4	31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK) Li Haoting				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 5
Date 19/07/2026 Board 17

WHITE Tran Minh Hieu				FED U E				RESULT (A) 1/2			
BLACK Li Haoting				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h6	Kg6	21			41					
2	Bc2	Kh6	22			42					
3	Bc4	Nd1	23			43					
4	Kf3	Nd6	24			44					
5	Kc4	Nc4	25			45					
6	Kf5	Kg7	26			46					
7	Kc6	Kf8	27			47					
8	Kd7	Kf7	28			48					
9	Kc6	Ke7	29			49					
10	Kc5	Ne5	30			50					
11	c4	Nc4	31			51					
12			32			52					
13			33			53					
14			34			54					
15			35			55					
16			36			56					
17			37			57					
18			38			58					
19			39			59					
20			40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK) Li Haoting				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/2026

Group
B12
Round
5
Board
18

CM

WHITE Zhao hao					FED AUS		RESULT (W) 1	
BLACK Gokiya Kensei					FED JPN		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rd1	Rd7	41	axb3	Ke6
2	Nc3	e6	22	Bc6	Rcd1	42	Rxf7	Kxf7
3	Nge2	Nc6	23	Rd1	b7 b7	43	e7	Bd6
4	g3	d5	24	Rd5	bxc3	44	c8=Q	g6
5	exd5	exd5	25	bxc3	Bb6	45	Qd7+	Be7
6	d4	cxd4	26	Rb5	Bd8	46	g8 b4	Kf6
7	Nxd4	Nf6	27	Bd6	Bd3	47	g5+	hxg5
8	Bg2	Bg4	28	Rb7	Bf6	48	g4 b4	Bg3
9	Nde2	Bc5	29	Bxb8	Kxf8	49	b2	gxf2+
10	O-O	h6	30	Bd5	Bg6	50	Kf4	g5
11	h3	Bf5	31	c4	Bd4	51	g8=Q	g4
12	Nf4	Ne7	32	Rb5	a4	52	Qb8+	Kg6
13	g4	Bh7	33	Ra5	Bc2	53	Qb8+	Kh6
14	Nfxd5	Nfxd5	34	Bc6	Bc3	54	hxg4	Bf6
15	Nxd5	O-O	35	Ra8+	Ke7	55	Qd17+	
16	c3	a5	36	Bxa4	Bd3	56		
17	Qb3	Nxd5	37	Ra7+	Kf6	57		
18	Qxd5	Qxd5	38	c5	Bb4	58		
19	Bxd5	Ra7	39	c6	Bc4	59		
20	Bf4	b5	40	Bb3	Bxb3	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)		
Zhao hao				Gokiya Kensei		Cai		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



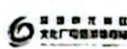
Date 19/7/2026

Group
B12
Round
5
Board
19

WHITE Luao Zhao						FED AUS		RESULT (W) 1	
BLACK Kensei Gokiya						FED JPN		RESULT (B) 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Rd1	Rd7	41	axb3	Kc6	
2	Nc3	e6	22	Bc6	Rd1	42	Bxf7	Kxf7	
3	Nge2	Ncc	23	Rd1	b4	43	c7	Bd6	
4	g3	d5	24	Rd5	bxc3	44	c8=Q	g6	
5	exd5	exd5	25	bxc3	Bb6	45	Qd7+	Be7	
6	d4	cxd4	26	Rb5	Bd8	46	b4	Kf6	
7	Nxd4	Nf6	27	Bd6	Bd3	47	g5+	hxg5	
8	Bg2	Bg4	28	Rb7	Bf6	48	b5	g4	
9	Nde2	Bc5	29	Bxf8	Kxf8	49	b6	g3	
10	O-O	h6	30	Rd5	Bg6	50	b7	gxf7	
11	h3	Bf5	31	c4	Bd4	51	Kf1	g5	
12	Nf4	Ne7	32	Rb5	a4	52	b8=Q	g4	
13	g4	Bh7	33	Ra5	Bc2	53	Gxh8	kg6	
14	Nfxd5	Nfxd5	34	Bc6	Bc3	54	Qg8+	Kc6	
15	Nxd5	O-O	35	Ra8+	Ke7	55	hxg4	Bf6	
16	c3	a5	36	Bxa4	Bd3	56	Qd7+	1-0	
17	Qb3	Nxd5	37	Ra7	Kf6	57			
18	Qxd5	Qxd5	38	c5	Bb4	58			
19	Bxd5	Ra7	39	c6	Bc4	59			
20	Bf4	b5	40	Bb3	Bxb3	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Luao Zhao			Kensei Gokiya			Cai			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/07/26

Group U-12
Round 05
Board 19

WHITE				FED		19/07/26		17			
Zhou Martin				NEW ZEALAND		RESULT (W)		0			
BLACK				FED		INDIA		RESULT (B)			
Vairaj Sagarwal								1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	Nf3	d5	21	Rf7	Bd2	41					
2	g3	Nf6	22	Rf5 b5	Bc5 c5	42					
3	Bg2	Bf5	23	Bc3	Re2	43					
4	d4	c6	24	Qc4	h5	44					
5	O-O	h6	25	dxc5	Bxc5	45					
6	c4	e6	26	Bb4	Oxb4	46					
7	Nc3	Nbd7	27	Qc4	Rd2	47					
8	cxd5	exd5	28	Rf1	h4	48					
9	e3	Be7	29	Qe7	F6	49					
10	Bd2	O-O	30	Rac1	h3	50					
11	Qe2	Re8	31	Rc7	Rd7	51					
12	Nc5	Nc4	32	Rcd7	Rcd7	52					
13	Nxd7	Qcd7	33	Qe8	h4	53					
14	Nxc4	Bxc4	34	F4	cd3	54					
15	Bxc4	dxc4	35	Qcd7	Qcd7	55					
16	b4	Rcd8	36	Rcf3	Qd1	56					
17	Bc3	Bf6	37	Rf1	Qe2	57					
18	a4	Qh3	38			58					
19	Rf1	Rd5	39			59					
20	Qd1	Qf5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Martin's				VS				Cai			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.7.26

Group B12
Round 5
Board 19

WHITE			Vairaj Sagarwal			FED IND		RESULT (W) 0	
BLACK			Martin Zhou			FED NZL		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	Nf3	d5	21	Bd2	Bc7	41			
2			22		b5	c5			
3	Bg2	Bf5	23	Bc3	Re2	43			
4	d4	c6	24		Qc4	h5			
5	O-O	h6	25	cxd4	Bxc5	45			
6	c4	e6	26		Bb4	Bb4			
7	Nc3	Nbd7	27	Qc4	Rd2	47			
8		cxd5	28		Rd1	h4			
9	e3	Be7	29	Qc7	g6	49			
10		Bd2	30		Rcd1	h3			
11	Qe2	Re8	31	Rc7	R2d7	51			
12		Nc5	32		Rcd1	Rcd1			
13	Nxd7	Qcd7	33	Qcd1	Kh7	53			
14		Nc4	34		g4	c3			
15	Bxc4	dxc4	35	Qcd1	Qcd1	55			
16		b4	36		Rcd5	Qd1			
17	Bc3	Bf6	37	Rd1	Qe2	57			
18		a4	38			58			
19	Rcd1	Rd5	39			59			
20		Qd1	40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Martin			VS.						



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.17

Group

B12

Round

5

Board

20

WHITE				FED				RESULT (W)			
Zhou Guo yu								1			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Ren Zhongru								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	g4	g4	41					
2	Nc3	g6	22	Rg1	Kf8	42					
3	d4	Bg7	23	Bf7	Kf7	43					
4	e4	db	24	Rd7	Kg7	44					
5	f3	0-0	25	Qe5	Rf8	45					
6	Be3	e5	26	Qg5	Kh7	46					
7	d5	at	27	Qh6	Kg8	47					
8	Qd2	Nab6	28	Qg6	Kh8	48					
9	Nge2	Nc5	29	Rf6	Rb6	49					
10	0-0-0	Bd7	30	Qf6	Kg8	50					
11	g4	Naf4	31	Qg6	Kf8	51					
12	h4	Nc8	32	Bh6	Ke7	52					
13	h5	Nc3	33	Qg5	Ke8	53					
14	Nc3	c6	34	Qg8	Ke7	54					
15	h9	f9	35	Bg5		55					
16	Qh2	Nf6	36			56					
17	dc	bc	37			57					
18	Rd6	Qc7	38			58					
19	cs	ht	39			59					
20	Bc4	Rf7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zhou Guo yu				Ren Zhongru				Cai			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.17

Group

B12

Round

5

Board

20

WHITE				FED				RESULT (W)			
Zhou Guo yu								1			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Ren Zhongru								0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	g4	g4	41					
2	Nc3	g6	22	Rg1	Kf8	42					
3	d4	Bg7	23	Bf7	Kf7	43					
4	e4	db	24	Rd7	Kg7	44					
5	f3	0-0	25	Qe5	Rf8	45					
6	Be3	e5	26	Qg5	Kh7	46					
7	d5	a5	27	Qh6	Kg8	47					
8	Qd2	Nab6	28	Qg6	Kh8	48					
9	Nc2	Nc5	29	Rf6	Rb6	49					
10	0-0-0	Bd7	30	Qf6	Kg8	50					
11	g4	Naf4	31	Qg6	Kf8	51					
12	h4	Nc8	32	Bh6	Ke7	52					
13	h5	Nc3	33	Qg5	Ke8	53					
14	Nc3	c6	34	Qg8	Ke7	54					
15	h9	f9	35	Bg5		55					
16	Qh2	Nf6	36			56					
17	dc	bc	37			57					
18	Rd6	Qc7	38			58					
19	cs	ht	39			59					
20	Bc4	Rf7	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zhou Guo yu				Ren Zhongru				Cai			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.04.26

Group B12

Round 5

Board 21

21

WHITE						FED		RESULT (W)	
Murat Ansar						KAZ		0	
BLACK						FED		RESULT (B)	
Nguyen Minh						VIE		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	Kf6	21	pe2	cc6	41	1d5	1b2	
2	cf4	86	22	kk2	c4	42			
3	Kf3	eb7	23	kb4	cb7	43			
4	e3	eb	24	Kb7	c5	44			
5	c3	ce7	25	1d2	1b7	45			
6	Kb2	0-0	26	1d1	1a18	46			
7	fc2	d6	27	a4	b9	47			
8	ce2	Kb7	28	fb4	e5	48			
9	0-0	Kh5	29	pa4	ed	49			
10	cg3	Kg3	30	cd	ce7	50			
11	hg	c5	31	d5	fb3	51			
12	1a1	fb7	32	84	fb8	52			
13	fb1	h6	33	85	ab	53			
14	1fe1	1fe8	34	fb5	118	54			
15	cb5	q6	35	pa4	1b7	55			
16	cd7	fb7	36	e5	1b4	56			
17	Kb3	fb7	37	fb2	94	57			
18	q4	85	38	fb	1f3	58			
19	dc	d6	39	gf	fb7	59			
20	pc2	1eb8	40	fb5	pd5	60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Murat			Minh			Cai			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.04.2026

Group B12

Round 5

Board 21

WHITE						FED		KAZ		RESULT (W)							
Murat Ansar										0							
BLACK						FED		VIE		RESULT (B)							
Nguyen Minh										1							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK									
1	d4	Nf6	21	Qe2	Bc6	41	Rd5	Rb2									
2	Bf4	b6	22	Nh2	c4	42											
3	Nf3	Bb7	23	Nd4	Bb7	43											
4	e3	e6	24	Nhf3	Bc5	44											
5	c3	Bc7	25	Rc12	Rd7	45											
6	Nbd2	o-o	26	Rcd1	Rad8	46											
7	Qc2	d6	27	a4	ba	47											
8	Bc2	nbd7	28	Qe4	e5	48											
9	o-o	Nh5	29	Ga4	ed	49											
10	Bg3	Ng3	30	ed	Ba7	50											
11	hg	c5	31	c15	Gg3	51											
12	Rad1	Qc7	32	h4	Qb5	52											
13	Qb1	h6	33	b5	ab	53											
14	Rfe1	Rfe8	34	Qb5	Bc8	54											
15	Bb5	a6	35	Gae4	Rb7	55											
16	Rd7	Qd7	36	es	Rb7	56											
17	Nb3	Qc7	37	Qa2	Bg4	57											
18	et	b5	38	db	Bf3	58											
19	dc	dc	39	gf	Qb7	59											
20	Qc2	Rcd8	40	Qd5	Qd5	60											
SIGNATURE (WHITE)						SIGNATURE (BLACK)						SIGNATURE (ARBITER)					
Mx						Minh						Cai					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 5
Date 2026.07.19
Board 22

WHITE Kravchenko Nikita				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Wu Enjun				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Qf3	Ng2	41	Bc6	Nf6	41	N3d7	Bd7
2	Nf3	Nc6	22	Bc2	Ng6	42	Bf5	Nd6	42	Nd7	Ne6
3	Bb5	g6	23	Nb2	Rc1	43	Nb6	Nb6	43	Nb6	Nxb6
4	c3	Bg7	24	Rc1	Nb7	44	ab	Kg8	44	g6	Kg8
5	0-0	c5	25	Qd3	Ng5	45	de	Bf6	45	g7	Kg8
6	d4	Ng5	26	h4	Nh7	46	Bd6	Kf7	46	Bd6	Kf7
7	Bc3	d6	27	Qh3	Ng6	47	Bc7	Nc6	47	Bc7	Nc6
8	a4	0-0	28	Rc4	g5	48	Bc6	Ke6	48	Bc6	Kxc6
9	Bc1	h6	29	Bb1	gh	49	dsQ	Bd3	49	d8=Q	Kxc6
10	d4	cd	30	Kd6	Ng5	50	Bd3	Kd6	50	Bd3	Kd6
11	cd	Bg9	31	Qc3	Qc3	51	Bc1	Kc4	51	Bc7	Kc6
12	ds	Ncb8	32	Nc1	Rg8	52	Kb3	Kf6	52	Kh3	Kf6
13	h3	Bf3	33	Nf2	Rd3	53	Kb4	as	53	Kh4	as
14	Qf3	f5	34	f3	h3	54	Kb5	Ke6	54	Kh4	Ke6
15	Nc3	Nd7	35	Rc8	Rc8	55	Lk6	Kf6	55	Kh6	Kf6
16	Bd2	Nf6	36	Nc9	as	56	Kb5	Ke6	56	Kh4	Ke6
17	Rac1	Rac8	37	d6	Nd7	57	Kg5	Kf7	57	Kg5	Kf7
18	b3	Kh8	38	Bc4	hg	58	Bc5	Ke6	58	Bxc5	Ke6
19	Qf3	f4	39	Kg2	Nd7	59	Bf4	Kf7	59	Bxc5	Ke6
20	Qc2	Nh5	40	as	Nd7	60	Bc2	Ke6	60	Bc7	Ke6

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 5
Date 2026.07.19
Board 22

WHITE Kravchenko Nikita A				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Wu Enjun				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	c5	21	Bc2	Nf6	41	N3d7	Bd7	41	N3d7	Bd7
2	Nf3	Nc6	22	Nb4	Rc1	42	Nd7	Ne6	42	Nd7	Ne6
3	Bb5	g6	23	Rc1	Nh7	43	Nb6	Nxb6	43	Nb6	Nxb6
4	c3	Bg7	24	h4	Nh7	44	g6	Kg8	44	g6	Kg8
5	0-0	c5	25	Nb3	Nf6	45	g7	Kg8	45	g7	Kg8
6	d3	Ng5	26	Rc1	g7	46	Bd6	Kf7	46	Bd6	Kf7
7	Bc3	d6	27	g7	g7	47	Bc7	Nc6	47	Bc7	Nc6
8	a4	0-0	28	Nb3	Ng5	48	Bc6	Kxc6	48	Bc6	Kxc6
9	Bc1	h6	29	Cc8	Ke6	49	d8=Q	Kxc6	49	d8=Q	Kxc6
10	d4	cd	30	Lx8	Ke6	50	Bd3	Kd6	50	Bd3	Kd6
11	cd	Bg9	31	Ne7	Rc8	51	Bc7	Kc6	51	Bc7	Kc6
12	ds	Ncb8	32	h3	Rc8	52	Kh3	Kf6	52	Kh3	Kf6
13	h3	Bf3	33	Rc8	Rc8	53	Kh4	as	53	Kh4	as
14	Qf3	f5	34	Nc8	a6	54	Kh4	Ke6	54	Kh4	Ke6
15	Nc3	Nd7	35	a7	Nd7	55	Kh6	Kf6	55	Kh6	Kf6
16	Bd2	Nf6	36	Bc4	h4	56	Kh4	Ke6	56	Kh4	Ke6
17	Rac1	Rac8	37	Kg2	Nd7	57	Kg5	Kf7	57	Kg5	Kf7
18	b3	Kh8	38	u4	Nd7	58	Bxc5	Ke6	58	Bxc5	Ke6
19	Qf3	f4	39	Bc6	Nf8	59	Bxc5	Ke6	59	Bxc5	Ke6
20	Qc2	Nh5	40	Bf1	Nd7	60	Bc7	Ke6	60	Bc7	Ke6

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 5
Date 2026.07.26
Board 22

WHITE Kravchenko Nikita				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Wu Enjun				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	f4	Kf7	21			41			41		
2	f5	Ke8	22			42			42		
3	g6	Kf7	23			43			43		
4	e5	a4	24			44			44		
5	ba	Kf7	25			45			45		
6	e6	Ke8	26			46			46		
7	f7	Kf7	27			47			47		
8	Bd6		28			48			48		
9			29			49			49		
10			30			50			50		
11			31			51			51		
12			32			52			52		
13			33			53			53		
14			34			54			54		
15			35			55			55		
16			36			56			56		
17			37			57			57		
18			38			58			58		
19			39			59			59		
20			40			60			60		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B12
Round 5
Date 2026.07.19
Board 22

WHITE Kravchenko Nikita A				FED RUS				RESULT (W)			
BLACK Wu Enjun				FED CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	K4	Kf7	21			41			41		
2	f5	Ke7	22			42			42		
3	f7	Kf7	23			43			43		
4	e5	a4	24			44			44		
5	ba	Kf7	25			45			45		
6	e6	f7	26			46			46		
7	Kf7		27			47			47		
8			28			48			48		
9			29			49			49		
10			30			50			50		
11			31			51			51		
12			32			52			52		
13			33			53			53		
14			34			54			54		
15			35			55			55		
16			36			56			56		
17			37			57			57		
18			38			58			58		
19			39			59			59		
20			40			60			60		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.19

Group B12
Round 5
Board 23

WHITE Zhou Rui hao						FED CHN		RESULT (W) 1/2	
BLACK Baijun						FED CHN		RESULT (B) 1/2	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	c5	21	Bc3	Nc4	41			
2	Nf3	d6	22	g4	Qc2	42			
3	Nc3	Nf6	23	Kc2	Ne3	43			
4	Bb5	Bd7	24	Kb3	Nd5	44			
5	Bd3	Qd4	25	Nd5	Bf8	45			
6	d4	cd	26	Nb4	a6	46			
7	Nd4	Nc6	27	Bhf1	d5	47			
8	Be3	Nb4	28	f5	Bb4	48			
9	Bb5	h6	29	ab	Rf8	49			
10	Bh4	g6	30	Rd3	Qd2	50			
11	h3	Nge5	31	g	f8	51			
12	Nc6	Nc6	32	g Rf3	Rf3	52			
13	Qd2	Bd7	33	Rf3	h5	53			
14	f4	0-0-0	34			54			
15	0-0-0	h5	35			55			
16	Bf2	Rc8	36			56			
17	e5	Rhd8	37			57			
18	a3	Nd5	38			58			
19	Qd4	b6	39			59			
20	Qd5	Rf5	40			60			
SIGNATURE (WHITE) Zhou Rui hao			SIGNATURE (BLACK) Baijun			SIGNATURE (ARBITER) Cai			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.19

Group B12
Round 5
Board 23

WHITE			zhou ruihao			FED			RESULT (W) 0.5		
BLACK			Bai, Ajinai			FED			RESULT (B) 0.5		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	b4	Qc2	41					
2	Nf3	d6	22	Kc2	Nc3	42					
3	Nc3	Nf6	23	Kb3	Nd5	43					
4	Bb5	Bd7	24	Nd5	Rf8	44					
5	Rd7	Qd7	25	Nb4	e6	45					
6	d4	c2	26	Ka1	Qd5	46					
7	Nd4	Nc6	27	f5	Bb4	47					
8	Be3	Nb4	28	ab	Rf8	48					
9	Bg5	Bah4	29	ne3	Rc8	49					
10	g3	h3	30	f5	f5	50					
11	Nc6	Nc6	31	Kf3	Rf3	51					
12	Qd2	Bg7	32	Rf3		52					
13	f4	g6	33			53					
14	0-0-0	ILb8	34			54					
15	Rd7	Kc8	35			55					
16	e5	Ld8	36			56					
17	a3	Na5	37			57					
18	Qd4	h6	38			58					
19	Qd5	Qf5	39			59					
20	Be3	Lb4 Nc5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
zhou ruihao			Bai, Ajinai			Cai					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group B12

Round 5

Board 24

WHITE Xu Shuze				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Liukasemsarn Pakornnarong				FED THA				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd4	f6	41					
2	Bc4	Nf6	22	Rf4	Bf5	42					
3	B	c6	23	Re1	Re8	43					
4	Nf3	d5	24	Rf1	Kf7	44					
5	Bb3	Bd6	25	Kf2	Ke1	45					
6	Nc3	de	26	Re1	Rd8	46					
7	Ng5	O-O	27	BCS	Re8	47					
8	Nce4	Ne4	28			48					
9	Ne4	Be7	29			49					
10	Qh5	Nd7	30			50					
11	O-O	g6	31			51					
12	Qf3	Kg7	32			52					
13	Qf3	h5	33			53					
14	Qe3	Rh8	34			54					
15	Ng5	Bg5	35			55					
16	Qg5	Qb5	36			56					
17	Bg5	Nc5	37			57					
18	Be3	Nb3	38			58					
19	ab	ab	39			59					
20	f4	et	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu Shuze				SIGNATURE (BLACK) Chin				SIGNATURE (ARBITER) Ony			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/26

Group B12

Round 5

Board 24

WHITE Xu Shuze				FED CHN				RESULT (W) 1/2			
BLACK Liukasemsarn Pakornnarong				FED THA				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e5	21	Bd4	f6	41					
2	Bc4	Nf6	22	Rxf4	Bf5	42					
3	B	c6	23	Re1	Re8	43					
4	Nf3	d5	24	Rff1	Kf7	44					
5	Bb3	Bd6	25	Kf2	Rxe1	45					
6	Nc3	dxe4	26	Rxe1	Rd8	46					
7	Ng5	O-O	27	Re8		47					
8	Nxe4	Nxe4	28			48					
9	Nxe4	Be7	29			49					
10	Qh5	Nd7	30			50					
11	O-O	g6	31			51					
12	Qf3	Kg7	32			52					
13	Qh3	h5	33			53					
14	Qe3	Rh8	34			54					
15	Ng5	Bxg5	35			55					
16	Qxg5	Qxg5	36			56					
17	Bxg5	Nc5	37			57					
18	Be3	Nxb3	38			58					
19	axb3	ab	39			59					
20	f4	exf4	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Xu Shuze				SIGNATURE (BLACK) Chin				SIGNATURE (ARBITER) Ony			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026 7.19 Board 25

15:56

Group B12
Round 5

WHITE Hu Yixiao				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Huang Shengbin				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Bf2	Nf3	41					
2	g3	g6	22	e3	Nd7	42					
3	Bg2	Bg7	23	Nbd3	Rdc8	43					
4	0-0	0-0	24	R2c2	Rb6	44					
5	d4	d5	25	Bf1	Bf8	45					
6	c4	c6	26	NC5	Bxc5	46					
7	cx d5	cx d5	27	dx c5	Rbb8	47					
8	Ne5	Nc6	28	Be1	Nf6	48					
9	NC3	e6	29	BA5	Bd7	49					
10	Nxc6	bxc6	30	BA6	RH8	50					
11	Bf4	Nh5	31	Bc3	RH8	51					
12	Be3	Bd7	32	Bxf6	Kxf6	52					
13	Qd2	Qe7	33	H4	H5	53					
14	Rc1	f5	34	Kf2	Bc8	54					
15	f4	Rb8	35	Bxc8	Rgxc8	55					
16	b3	Qb4	36	Rd1	Rb4	56					
17	Rfd1	Rfd8	37	Rd4		57					
18	NA4	Qxd2	38			58					
19	Rxd2	Kf7	39			59					
20	NC5	Be8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Hu Yixiao				SIGNATURE (BLACK) Huang Shengbin				SIGNATURE (ARBITER) Cai			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19 Board 25

15:56

Group B12
Round 5

WHITE Hu Yixiao				FED				RESULT (W) 1/2			
BLACK Huang Shengbin				FED				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Bf2	Nf3	41					
2	g3	g6	22	e3	Nd7	42					
3	Bg2	Bg7	23	Nbd3	Rdc8	43					
4	0-0	0-0	24	R2c2	Rb6	44					
5	d4	d5	25	Bf1	Bf8	45					
6	c4	c6	26	NC5	Bxc5	46					
7	cx d5	cx d5	27	dx c5	Rbb8	47					
8	Ne5	Nc6	28	Be1	Nf6	48					
9	NC3	e6	29	BA5	Bd7	49					
10	Nxc6	bxc6	30	BA6	RH8	50					
11	Bf4	Nh5	31	Bc3	RH8	51					
12	Be3	Bd7	32	Bxf6	Kxf6	52					
13	Qd2	Qe7	33	H4	H5	53					
14	Rc1	f5	34	Kf2	Bc8	54					
15	f4	Rb8	35	Bxc8	Rgxc8	55					
16	b3	Qb4	36	Rd1	Rb4	56					
17	Rfd1	Rfd8	37	Rd4		57					
18	NA4	Qxd2	38			58					
19	Rxd2	Kf7	39			59					
20	NC5	Be8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Hu Yixiao				SIGNATURE (BLACK) Huang Shengbin				SIGNATURE (ARBITER) Cai			



28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B/2

Round 5

Board 26

WHITE Song Yiguan				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Kalinichenko, German Yu				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Nf3	f4	41	R8	e3			
2	Bg5	c6	22	Nf1	f9	42	R8xS8	Qx8x			
3	Bxf6	exf6	23	f5	f5	43					
4	e3	cl5	24	Ng3	Rh2	44					
5	g3	Bd6	25	Kxh2	Rh8	45					
6	Bg2	Bg6	26	kg1	Qxg3	46					
7	Ne2	Qd7	27	Qg2	Kh1	47					
8	O-O	h5	28	Kh1	Qxf2	48					
9	Nf4	Bxg4	29	R3b1	Bf5	49					
10	Qf	Nab6	30	R3a8	Bef	50					
11	Qd2	O-O-O	31	Bef	de	51					
12	Rc1	h4	32	Rf1	Qb3	52					
13	Na3	Nc7	33	b5	Nc6	53					
14	b4	Kb8	34	b6	Nf4	54					
15	Rab1	Bd6	35	Ra2	Qh2	55					
16	Rb3	ab	36	Kg1	Qxc3	56					
17	c3	Rd98	37	Rh2	Qxh4	57					
18	Nc2	g5	38	Kh1	Qx5b	58					
19	f3	B	39	Rh8	Ka7	59					
20	Q4	f5	40	RS1	Qd4	60					
SIGNATURE (WHITE) Song Yiguan				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WRITER) Cmi			

28th Asian Youth Chess Championships 2026 2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B/2

Round 5

Board 26

WHITE Zong				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Kalinich EKO				FED KLS				RESULT (B) 7			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Kt6	21	Ke3	K4	41	1a8	e3			
2	Cm5	c6	22	Kf7	h3	42	1g2	f28			
3	Cf6	et	23	Km	Km	43					
4	e3	d5	24	K23	ld2	44					
5	m3	cd6	25	Kh2	ld8	45					
6	Cm2	ceb	26	Km1	Km3	46					
7	Ke2	fd7	27	Kf2	ld7	47					
8	O-O	d5	28	Kh1	Kf2	48					
9	Kf4	Cf4	29	ld3	Cf5	49					
10	et	Kab	30	ld1	ce4	50					
11	fd2	O-O-O	31	ce4	de	51					
12	ld1	d4	32	ld1	Km3	52					
13	Ka3	Kc7	33	b5	Ke6	53					
14	d4	Kh8	34	d6	Kf4	54					
15	ldab1	fd6	35	ld2	Kh3	55					
16	ldb1	ab	36	Km1	Kc3	56					
17	c3	ldm8	37	ld2	fd4	57					
18	Kc2	m5	38	Kh1	fb6	58					
19	Km	Km	39	ld8	Km2	59					
20	dc4	K5	40	ldm1	fd4	60					
SIGNATURE (WHITE) Song Yiguan				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (WRITER) Cmi			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B12
Round
5
Board
27

WHITE Li Chaoqin				FED				RESULT (W) 0			
BLACK Hoang Tan Vinh				FED				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Kg2	Be4	41					
2	c4	g6	22	f3	Ne3	42					
3	b3	Bg7	23	Kg1	Qd5	43					
4	Bb2	d6	24			44					
5	d3	0-0	25			45					
6	Nbd2	e5	26			46					
7	Q3	Nc6	27			47					
8	d4	04	28			48					
9	d5	ef	29			49					
10	dc	f0	30			50					
11	B02	b6	31			51					
12	Rc1	Re8	32			52					
13	b4	Ng4	33			53					
14	Bg7	Qh4	34			54					
15	Ne4	Re1	35			55					
16	Qd2	Re3	36			56					
17	Kf1	Rd3	37			57					
18	Qb2	f6	38			58					
19	Be4	Bf5	39			59					
20	Bd3	Bd3	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li Chaoqin				SIGNATURE (BLACK) Vinh				SIGNATURE (ARBITER) Qai			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
B12
Round
5
Board
27

WHITE Li Chaoqin				FED China				RESULT (W) 0			
BLACK Hoang Tan Vinh				FED Vietnam				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3 1.30	Nf6 1.30	21	Kg2 0.46	Be4 0.45	41					
2	c4 1.31	g6 1.29	22	f3 0.47	Ne3 +	42					
3	b3 1.30	Bg7 1.28	23	Kg1	Qg5 +	43					
4	Bb2 1.30	d6 1.27	24			44					
5	d3 1.30	0-0 1.27	25			45					
6	Nbd2 1.30	e5 1.26	26			46					
7	Q3 1.23	Nc6 1.25	27			47					
8	d4 1.16	e4 1.23	28			48					
9	Qf3 1.17	ef 1.13	29			49					
10	dc3 1.17	fg2 1.12	30			50					
11	Bg2 1.17	b6 1.08	31			51					
12	Rc1 1.03	Re8 1.07	32			52					
13	b4 0.59	Ng4 1.06	33			53					
14	Bg7 0.59	Qg4 1.06	34			54					
15	Ne4 0.50	Re4 1.06	35			55					
16	Qd2 0.50	Re3 1.05	36			56					
17	Kf1 0.51	Rd3 1.05	37			57					
18	Qb2 0.50	f6 1.03	38			58					
19	Be4 0.48	Bf5 1.01	39			59					
20	Bd3 0.46	Bd3 0.47	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Li Chaoqin				SIGNATURE (BLACK) Vinh				SIGNATURE (ARBITER) Qai			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
B12

Round
5

Date
2026.08.28

Board
28

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Lan Dinglin		Makushev, Alrami		CHN		KAZ		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd4	ace	41	Kh3	Bf2			
2	Nf3	Nf6	22	Nf3	Bd6	42	Kg2	Bc3			
3	Bf4	c5	23	Rd1	Bc6	43	Kf3	B391			
4	e3	Nc6	24	Bf5	Rb4	44	Rd7	Bc5			
5	c3	Qb6	25	Bc8	Rc8	45	Kc4	B1			
6	Qc2	g6	26	Qc2	kb2	46	f5	g5			
7	Nbd2	Bg7	27	Rb2	Bb2	47	Rf7	Bd4			
8	Bd3	O-O	28	Ra2	Bf6	48	Kd5	Be8			
9	O-O	Nh5	29	ab	b5	49	Ra7	B62			
10	Bg3	Ng3	30	Rc2	Bd7	50	Rb5	Bd4			
11	hg	Bd7	31	Rc8	Bc8	51	Kc6	Ba7			
12	a4	Ruc8	32	Rc1	Bg4	52	Kf7	Bc5			
13	Bb1	e5	33	Rc7	Bf3	53	Kg8	Be7			
14	Qcde	Nes	34	gf	Bd4	54	a7				
15	Nes	Be5	35	Rb5	Kg7	55					
16	Nf3	Bf6	36	Rb5	h5	56					
17	e4	d4	37	Kg2	Kh6	57					
18	e5	Bb7	38	g4	h4	58					
19	a5	Bd7	39	f4	f6	59					
20	cl	cl	40	Rd5	h3	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Lan Dinglin				Makushev				chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
B12

Round
5

Date
2026.08.28

Board
29

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Lan Dinglin		Makushev, Alrami		CHN		KAZ		1		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd4	ace	41	Kh3	Bf2			
2	Nf3	Nf6	22	Nf3	Bd6	42	Kg2	Bc3			
3	Bf4	c5	23	Rd1	Bc6	43	Kf3	B391			
4	e3	Nc6	24	Bf5	Rb4	44	Rd7	Bc5			
5	c3	Qb6	25	Bc8	Rc8	45	Kc4	B1			
6	Qc2	g6	26	Qc2	kb2	46	f5	g5			
7	Nbd2	Bg7	27	Rb2	Bb2	47	Rf7	Bd4			
8	Bd3	O-O	28	Ra2	Bf6	48	Kd5	Be8			
9	O-O	Nh5	29	ab	b5	49	Ra7	B62			
10	Bg3	Ng3	30	Rc2	Bd7	50	Rb5	Bd4			
11	hg	Bd7	31	Rc8	Bc8	51	Kc6	Ba7			
12	a4	Ruc8	32	Rc1	Bg4	52	Kf7	Bc5			
13	Bb1	e5	33	Rc7	Bf3	53	Kg8	Be7			
14	Qcde	Nes	34	gf	Bd4	54	a7				
15	Nes	Be5	35	Rb5	Kg7	55					
16	Nf3	Bf6	36	Rb5	h5	56					
17	e4	d4	37	Kg2	Kh6	57					
18	e5	Bb7	38	g4	h4	58					
19	a5	Bd7	39	f4	f6	59					
20	cl	cl	40	Rd5	h3	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Lan Dinglin				Makushev				chen			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group B12
Round 4
Board 29

WHITE Sanchuanera SM Sethika Hansira				FED SRI				RESULT (W) 0.5			
BLACK You Shenqi				FED CHN				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Ne4	Rd8	41	Rf1	e3			
2	Nf3	Nc6	22	Qa3	e5	42	Qa3	Nb4			
3	c3	Nb6	23	Nb2	Qc6	43	Qf4	Nb6			
4	e5	Nd5	24	Ra1	Nb6	44					
5	d4	cd	25	Qb3	Nc4	45					
6	cd	db	26	Qc2	Rb2	46					
7	Bc4	de	27	Qf5	Rd8	47					
8	Nd5	eb	28	Ng3	Ra2	48					
9	O-O	Nb6	29	h4	g6	49					
10	Bb5	Bd7	30	Qf4	Rd12	50					
11	Bc6	Bc6	31	Nh1	Kg7	51					
12	Nc6	bc	32	h5	f5	52					
13	Nc3	c5	33	h6	Kf7	53					
14	Be3	cd	34	Qh4	e4	54					
15	Bd4	Qd7	35	Rcd1	Ne5	55					
16	Nb2	fb	36	Qg3	Qd5	56					
17	Qb3	Nd5	37	Rd2	Rd2	57					
18	Rf1	Bb4	38	Qe3	Qd7	58					
19	Bc3	Bc3	39	Nb3	Nb4	59					
20	bc	O-O	40	Qc5	Nf2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.06.19

Group B12
Round 05
Board 29

WHITE Shika Hansira Samarawera				FED SRI LANKA				RESULT (W) 1/2			
BLACK You Shengrui				FED CHINA				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Nd4 (25. Rb3)		41	Rf1	e3			
2	Nf3	Nc6	22	Qa3 (24) e5		42	Qa3	Nb4			
3	c3	Nb6	23	Nc2	Qc6	43	Qf4	Nb6			
4	e5	Nd5	24	Ra1	Nb6	44					
5	d4	cd	25	Qb3	Nc4	45					
6	cd	db	26	Qc2	Rb2	46					
7	Bc4	de	27	Qf5	Rd8	47					
8	Nd5	eb	28	Ng3	Ra2	48					
9	O-O	Nb6	29	h4	g6	49					
10	Bb5	Bd7	30	Qf4	Rd12	50					
11	Bc6	Bc6	31	Nh1	Kg7	51					
12	Nc6	bc	32	h5	f5	52					
13	Nc3	c5	33	h6	Kf7	53					
14	Be3	cd	34	Qh4	e4	54					
15	Bd4	Qd7	35	Rcd1	Ne5	55					
16	Nb2	fb	36	Qg3	Qd5	56					
17	Qb3	Nd5	37	Rd2	Rd2	57					
18	Rf1	Bb4	38	Qe3	Qd7	58					
19	Bc3	Bc3	39	Nb3	Nb4	59					
20	bc	O-O	40	Qc5	Nf2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026/1/19

Group

B12

Round

5

Board

30

WHITE Wang Jiahe				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Mukhtaruly Akhmediyar				FED KAZ				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Kh1	c4	41	Be4	a2			
2	d3	d5	22	d4	c3	42	Ba2	Ra2			
3	Nd2	c5	23	bc	ba	43	Qe6	Rc2			
4	Ngf3	Nc6	24	Bd2	Rb8	44	Qa5	Rc1			
5	g3	Nf6	25	Rj1	Bb5	45	Kg2	Ne7			
6	Bg2	Be7	26	Bh3	Rb7	46	Qg4	Ng6			
7	O-O	h6	27	Ng4	Kh8	47	f4	Rc2			
8	Re1	O-O	28	h6	g4	48	Kf1	Rc7			
9	e5	Nh7	29	Nh6	Bh6	49	At	Rf7			
10	Nf1	b5	30	Bh6	Be2	50	Qb6	1a8			
11	h4	a5	31	Qf4	Bf3	51	e6	Rg7			
12	N1h2	Re8	32	Qf3	Nh6	52	Qh6	Kg8			
13	Bf4	a4	33	Qb5	Ng8	53	f8	Nf8			
14	a3	Bd7	34	Ra3	Ra7	54	Qf6	Rd7			
15	Qc1	Bf8	35	c4	dc	55	ed	Kh7			
16	g4	Ne7	36	Rb3	f5	56	dt				
17	h5	Rc8	37	Bf1	Qe7	57					
18	g5	h9	38	Rb7	Qg7	58					
19	Ng5	Nf5	39	Rb7	Kg7	59					
20	Ngf3	b4	40	Qb8	a3	60					
SIGNATURE (WHITE) Wang Jiahe				SIGNATURE (BLACK) M.A				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026/1/19

Group

C12

Round

5

Board

30

WHITE Wang J				FED Chn				RESULT (W) 1			
BLACK Mukhtaruly A				FED Kaz				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	hph1	c4	41	crc4	a2			
2		d3	d5	22	dh	c3	42	cra7	ara2		
3	kde2	c5	23	bic	b7a	43	qse6	nrc2			
4	kg3	kcc6	24	cdk2	Nb8	44	q1+5	rc1+			
5	g3	k16	25	ng1	cb5	45	hpg2	hrc2			
6		g2	c02	26	ch3	Nb7	46	g4+	kg6		
7	O-O	h6	27	kg4	hph8	47	h1	rc0+			
8	ne1	O-O	28	h6	g7h	48	h7r1	nr7			
9	e5	kh7	29	kth6	cshe	49	f5	nt7			
10	k+1	b5	30	ch6	ce2	50	q8+	h78			
11	h4	a5	31	q2+	crc3+	51	c6	ng2			
12	kh2	nc8	32	q5+3	kth6	52	qh6	hpg8			
13	cs4	an	33	q2b5	kg3	53	h6	hrc			
14	a3	cd2	34	na3	na7	54	q1+6	nd2			
15	qrc1	cr8	35	cr1	dic	55	erd	hph2			
16	g1	ker	36	ng3	+5	56	dl5				
17	h5	nc2	37	cr1	qrc7	57					
18	g5	hrg	38	ng2	qrc7	58					
19	hrg5	ker	39	ng2	hrg7	59					
20	kg43	bn	40	qrc8	a3	60					
SIGNATURE (WHITE) Wang Jiahe				SIGNATURE (BLACK) M.A				SIGNATURE (ARBITER)			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Gu Junliang China		Zhou Siyuan China		FED 1780		RESULT (W) 0.5		FED 1669		RESULT (B) 0.5	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		FED 1780		RESULT (W) 0.5		FED 1669		RESULT (B) 0.5	
1	Q4	c5	c5	21	Qd4	Md4	41	Rd7	h9		
2	Nf3	d6	d6	22	Qd3	Qd3	42	Kf2	Rh5		
3	d4	cd	cd	23	Qd3	Rac8	43	Ke3	Rb1		
4	Nd4	Nf6	Nf6	24	Rd4	Qd5	44	Kh5	as		
5	Nc3	a6	a6	25	Kh1	Res	45	h4	a4		
6	Be2	e5	e5	26	Rd7	f6	46	g3	o3		
7	Nh3	Qd7	Qd7	27	Qb3	Rd7	47	Rd1	Rb1		
8	Qe3	Qd6	Qd6	28	Qb6	Qb6	48	Ke4	Rg3		
9	Nd5	Nd5	Nd5	29	ab	Rc8	49	Kd5	Rb3		
10	ed	Qd5	Qd5	30	b4	Rc3	50	Kc6	fs		
11	Qd4	Qd7	Qd7	31	Rb1	Rc3	51	b7	Kh5		
12	Qd4	Qd7	Qd7	32	Qd5	Qd5	52	Rd3	Rb1		
13	Qd4	Qd7	Qd7	33	Qd5	Qd5	53	Rd3	Rb1		
14	Qd4	Qd7	Qd7	34	Rd4	Rd5	54	Kg2	Kh4		
15	f4	ef	ef	35	Rd4	Rd6	55	Kf3	g5		
16	Qd4	Qd6	Qd6	36	Rd5	Rd5	56	Kd5	kg4		
17	Qd4	Nc5	Nc5	37	Qd5	Qd5	57	Kd4	fs		
18	Nc5	Qd5	Qd5	38	Rd1	Ke6	58	Kd3	h5		
19	Qe3	Qd7	Qd7	39	Rd5	Rd5	59	Ke2	h4		
20	Qd4	Qd4	Qd4	40	Rd5	Kf7	60	Kf2	h3		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		FED		RESULT (W) 0.5		FED		RESULT (B) 0.5	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		FED		RESULT (W) 0.5		FED		RESULT (B) 0.5	
1	e4	c5	c5	21	Qd4	Rfeg	41	Rd7	Kg6		
2	Nf3	d6	d6	22	Bd3	Bd3	42	Qd4	Rd5		
3	d4	cd	cd	23	Qd3	Rac8	43	Ke3	Rb1		
4	Nd4	Nf1	Nf1	24	Rf4	Qd5	44	Kf3	as		
5	Nc3	a6	a6	25	Qd4	Qd5	45	h4	Q4		
6	Be2	e5	e5	26	Rd1	f1	46	g3	g3		
7	Nb3	Be7	Be7	27	Qd4	Rc7	47	Rd7	Rd7		
8	Bd3	Be6	Be6	28	Qd6	Qd6	48	Kd4	Rg3		
9	Nd5	Nd5	Nd5	29	Qd6	Rc8	49	Kd5	Rb3		
10	ed	Bf5	Bf5	30	b4	Re3	50	Kc6	fs		
11	O-O	O-O	O-O	31	Rb1	Rc3	51	b7	Kh5		
12	Qd4	Nb6	Nb6	32	C5	dc	52	Rd3	Rb1		
13	Qd4	Qc7	Qc7	33	Kg1	Rd3	53	Rd5	Rb1		
14	c4	Bg6	Bg6	34	Rc4	Rd5	54	Kb7	Kh4		
15	f4	ef	ef	35	Rb4	Rc6	55	Kc6	g5		
16	Bf4	Bf6	Bf6	36	Rc5	Rd5	56	Kd5	kg4		
17	Qd4	Nc5	Nc5	37	b4	Kf7	57	Kd4	fs		
18	Nc5	Qd5	Qd5	38	Rd1	Ke6	58	Kd3	h5		
19	Be3	Qd7	Qd7	39	Rd8	Rc5	59	Ke2	h4		
20	Bd4	Bd4	Bd4	40	Rd8	Kf7	60	Kf2	h3		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Gu Junliang China		Zhou Siyuan China		FED 1780		RESULT (W) 0.5		FED 1669		RESULT (B) 0.5	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		FED 1780		RESULT (W) 0.5		FED 1669		RESULT (B) 0.5	
1	Rh3	Kh4	Kh4	21			41				
2	Kf3	g4	g4	22			42				
3	Kf4	h2	h2	23			43				
4	Rd8	Kh3	Kh3	24			44				
5	Rd3	kg2	kg2	25			45				
6	Rd2	Kh3	Kh3	26			46				
7	Rd3	kg2	kg2	27			47				
8	Rd2	Kh3	Kh3	28			48				
9	Rd1	kg2	kg2	29			49				
10	kg4	h2	h2	30			50				
11	Rh1	Kh3	Kh3	31			51				
12				32			52				
13				33			53				
14				34			54				
15				35			55				
16				36			56				
17				37			57				
18				38			58				
19				39			59				
20				40			60				
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan	

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		FED		RESULT (W) 0.5		FED		RESULT (B) 0.5	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		FED		RESULT (W) 0.5		FED		RESULT (B) 0.5	
1	Rh3	Kh4	Kh4	21			41				
2	Kf3	g4	g4	22			42				
3	Kf4	h2	h2	23			43				
4	Rd8	Kh3	Kh3	24			44				
5	Rd3	kg2	kg2	25			45				
6	Rd2	Kh3	Kh3	26			46				
7	Rd3	kg2	kg2	27			47				
8	Rd2	Kh3	Kh3	28			48				
9	Rd1	kg2	kg2	29			49				
10	kg4	h2	h2	30			50				
11	Rh1	Kh3	Kh3	31			51				
12				32			52				
13				33			53				
14				34			54				
15				35			55				
16				36			56				
17				37			57				
18				38			58				
19				39			59				
20				40			60				
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)	
Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan		Gu Junliang		Zhou Siyuan	



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.19

Group B12

Round 5

Board 32

WHITE Ismailov, Abu-Bakr				FED KGZ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Tang, Zepin				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kf2	Nc4	41	Ra3	Re6			
2	d4	cd	22	Nc4	Bc4	42	Kf7	Ra6			
3	c3	d5	23	Kc3	b5	43	Ra2	Ra2			
4	ed	Qd5	24	Rb1	a6	44	Kg6	Rg2			
5	Qd4	Qd4	25	Rd4	a5	45	g5	h9			
6	cd	Nc6	26	Rb2	e5	46	fg	Ke7			
7	Nf3	Nf6	27	Rdd2	Ke7	47	h5	Kd7			
8	Bc3	e6	28	de	fe	48	h6	Ke7			
9	Nc3	Bd4	29	Bc4	Rc4	49	h7	Rh2			
10	Bc4	0-0	30	Rd8	Kd8	50	Kg7	Ke6			
11	0-0	b6	31	Rb5	Rc3	51	g6	Kf5			
12	Rfd1	Bb7	32	Ke4	Rd3	52	Kf7	Rh6			
13	Rac1	Rac8	33	Ke5	a4	53					
14	Bd3	Rfd8	34	h4	Ra2	54					
15	a3	Bc3	35	g4	Re2	55					
16	bc	Na5	36	Kf5	a3	56					
17	Nd2	Kf8	37	Rd5	a2	57					
18	Bb5	h6	38	f4	Kc7	58					
19	Bf6	g8	39	Kf6	kb6	59					
20	f3	Bd5	40	-Ra8	kb1	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.04.2026

Group B12

Round 5

Board 32

WHITE Ismailov, Abu-Bakr				FED KGZ				RESULT (W) 1/2			
BLACK Tang, Zepin				FED CHN				RESULT (B) 1/2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Kpf2	Rc4	41	La3	Le6+			
2	d4	c:d	22	R:c4	C:c4	42	Kp:f4	La8			
3	c3	d5	23	Kpe3	b5	43	La2	La2			
4	e:d	Q:d5	24	La4	d6	44	Kpg6	Le2			
5	Q:d4	Q:d4	25	La4	a5	45	g5	h:g			
6	C:d	Kc6	26	La2	e5	46	f:g	Kp:c4			
7	Kf3	Kf6	27	La2d2	Kpe4	47	h5	Kp:c4			
8	ce3	e6	28	d:e	f:e	48	h6	Kpe4			
9	Kc3	Cb4	29	Cc4	La:c4	49	h7	La2			
10	Cc4	0-0	30	La:d8	*Kp:d8	50	Kpg4	Kpe5			
11	0-0	b3	31	La:b5	La:c3+	51	g6	Kpf5			
12	La:d1	Cb4	32	Kpe4	La:a3	52	Kpf4	La:h6			
13	La:c1	La:c8	33	Kpes	d4	53					
14	Cd3	La:d8	34	h4	La:d2	54					
15	a3	C:c3	35	g4	La:e2+	55					
16	b:c	Ka5	36	Kpf5	a3	56					
17	Kd2	Kpf8	37	La5	d2	57					
18	Qg5	h6	38	Kf4	Kp:c4	58					
19	C:f6	g:f	39	Kpf6	Kpb6	59					
20	f3	Cd5	40	La:g	Kpb4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				[Signature]				[Signature]			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/19/26

Group B12
Round 5
Board 33

WHITE Sun Dawson				FED TPE				RESULT (W) 0			
BLACK Okhumov, Umar				FED TJK				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Rf3	Bg7	41	Bd3	29	Kh7		
2	Nf3	Nc6	22	Qf4	Rac8	42	Qf2	25	g6		
3	Ja	cd1	23	Rc6	Rfd8	43	hxg3	25	Bxg3		
4	Nxd4	g6	24	b5	Pc7	44	Qf3	26	Re5		
5	c4	Bg7	25	a4	Rcd7	45	Rxf6	26	Qg5		
6	Be3	Nf6	26	Rf1	Be5	46	Rf7+	25	Kg6		
7	Nc3	Ng9	27	Qh6	Be4+	47	Rfb+	16	Qxf6		
8	Qxg4	Nxd4	28	Kh1	Bc5	48	Qxbg3+	17	Qg5		
9	Qd1	e5	29	Qf4	Bd4	49	Qf2	16	Kg7		
10	Bd3	O-O	30	Rf3	Be5	50	Rc5	13	Rf7		
11	O-O	db	31	Qh6	f6	51	Qe1	14	Qf4		
12	Nd5	Ne6	32	Qh3	g5	52	Qa1	11	Qh4+		
13	Qd2	Bd7	33	Qf5	Qg7	53	Kg1	12	Qf2+		
14	Rac1	Bc6	34	Qg4	Re7	54	Kh2	11	Rf7		
15	b4	bb	35	Rf2	Qg6	55	Bb1	11	Rg4		
16	f4	Bd5	36	Be7	Bd4	56	Rc7+	8	Kg6		
17	Qd5	Nxf4	37	Rf5	h5	57					
18	Bxf4	exf4	38	Qf3	g4	58					
19	Qxf4	Qe5	39	Qd3	Bde5	59					
20	Qh6	Qe7	40	Qc2	Rde7	60					
SIGNATURE (WHITE) Dawson Sun				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 18042026

Group B12
Round 5
Board 33

WHITE Sun Dawson				FED TPE				RESULT (W) 0			
BLACK Okhumov Umar				FED TJK				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	lf3	Cg7	41	Cd3	Kch3			
2	Kf3	Kc6	22	Qf4	lac8	42	Qe2	g3			
3	dh	cd	23	lcc	ld8	43	hg	Cgg			
4	Kd4	g6	24	b5	lcc7	44	Qf3	le5			
5	cm	Cg7	25	am	lcc4	45	lf6	Qg5			
6	ce3	Kf6	26	lf1	Ce5	46	lf7	Kg6			
7	Kc3	Kg4	27	Ph6	Cd4	47	lf6	Qf6			
8	Qg4	Kd4	28	Kph1	Ce5	48	Qg3	Qg5			
9	Qd1	e5	29	Qe4	Cd4	49	Qf2	Kg4			
10	Cd3	O-O	30	lf3	cf3	50	lf3	lf4			
11	O-O	de	31	Ph6	f6	51	Qe1	Qf4			
12	Kd5	ke6	32	Ph3	g5	52	Pa1	Ph4			
13	Qd2	Cd7	33	Qd2	Qg7	53	Kg1	Pf2			
14	Qac1	Cc6	34	Qg4	le7	54	Kph2	lf4			
15	b4	b6	35	lf2	Qgc	55	Cb1	lg4			
16	f4	cd5	36	Ce2	Cd4	56	lc7	Kg6			
17	cd	Kf4	37	lf5	h5	57					
18	lf1	ef	38	Qf3	g4	58					
19	Qf4	Ce5	39	Qf3	Ce5	59					
20	Qf6	Pe7	40	Qcd	ldd7	60					
SIGNATURE (WHITE) Dawson Sun				SIGNATURE (BLACK) [Signature]				SIGNATURE (ARBITER) [Signature]			



中国网通
 北京分公司

Date _____

香港總匯
 中國銀行
 上海分行

Group	UD
Round	5
Board	34

CS 扫描全能王
3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group B/2
Round 5

Board 35

WHITE Kawin Quang Huy				FED VIE				RESULT (W) 0.5			
BLACK Zhang Xiang				FED CHN				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	h4	g5	21	h7	g5	41	g5	h9			
2	c3	d5	22	h3	g5	42	g9	h5			
3	e2	g4	23	h3	b6	43	g9	h6			
4	d2	g4	24	h3	g5	44	f4	g5			
5	d2	g4	25	h3	g5	45	g6	g5			
6	e2	g4	26	h3	g5	46					
7	e2	g4	27	h3	g5	47					
8	e2	g4	28	h3	g5	48					
9	e2	g4	29	h3	g5	49					
10	e2	g4	30	h3	g5	50					
11	e2	g4	31	h3	g5	51					
12	e2	g4	32	h3	g5	52					
13	e2	g4	33	h3	g5	53					
14	e2	g4	34	h3	g5	54					
15	e2	g4	35	h3	g5	55					
16	e2	g4	36	h3	g5	56					
17	e2	g4	37	h3	g5	57					
18	e2	g4	38	h3	g5	58					
19	e2	g4	39	h3	g5	59					
20	e2	g4	40	h3	g5	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/2026

Group B/2
Round 5

Board 35

WHITE Kawin Quang Huy				FED VIE				RESULT (W) 1.0			
BLACK Zhang Xiang				FED CHN				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	xc5	xc7	41	g5	g6			
2	c3	d5	22	h3	xc5	42	g4	h5			
3	ed	hd5	23	xc5	b6	43	g4	h6			
4	d4	mc6	24	xc5	xc5	44	g4	xc5			
5	mf3	tg4	25	xc7	xc6	45	xc6	xc6			
6	tc2	eg	26	mb3	xc5	46					
7	dc	td1	27	xc7	xc6	47					
8	td1	tc5	28	mb5	xc5	48					
9	o-o	as	29	xc7	xc4	49					
10	md4	md4	30	me6	xc2	50					
11	cd	td1	31	g4	md4	51					
12	xd1	xc8	32	md1	xc4	52					
13	tc3	xc7	33	xc6	xc6	53					
14	mc3	tg7	34	b3	ac1	54					
15	mb5	tg6	35	ba	xc4	55					
16	xc1	o-o	36	xc6	xc2	56					
17	tg5	fg	37	g2	xc7	57					
18	tg4	mf5	38	g3	xc7	58					
19	tc7	tc7	39	h4	xc3	59					
20	xc7	xc7	40	g3	xc7	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7/2026

Group
U20
Round
5
Board
36

WHITE Sainjy Agim				FED NEP				RESULT (W) 0			
BLACK Eamran Tse Yuan Kha				FED MAS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Na4	Rd6	41	Kf2	Nd2			
2	Nc3	Nf6	22	Nc3	Bxa3	42	Ke3	Nc4+			
3	g3	g6	23	Na4	Rxc1	43	Kd4	Nb6			
4	Bg2	d5	24	Nxc1	b5	44	g4	b5			
5	cxd5	cxd5	25	Nb6	Rc6	45	Kc5	Ne4+			
6	J4	exd4	26	Nxd5	Bxd5	46	Kxb5	Nf2			
7	Bxd4	Nc6	27	axb3	Bxg2	47	Kc5	Kxh3			
8	Qd1	Be6	28	Kvg2	Rc3	48	f5	Kf6			
9	Nf3	Be7	29	Ne2	Rxa3	49	Kd6	Kg5			
10	O-O	O-O	30	Rb1	Ra2	50	Ke7	f6			
11	Be3	Ng4	31	Nc3	Rc2	51	Kf1	Nf2			
12	Bd4	Nxd4	32	Nxb5	Ng4	52	Ne3	Nxg4			
13	Nxd4	Nf6	33	h3	Nxe3+	53	Nvg4	Kxg4			
14	Qb3	Qb6	34	Kf3	Nc4	54	Kxg7	Kg5			
15	Qb6	axb6	35	Nd4	Nd2+	55	Kh7	h5			
16	Rxf1	Rfd8	36	Kg2	Nxb1	56					
17	e3	Rac6	37	Nvc2	Nd2	57					
18	Rac1	Bc5	38	f4	Kf8	58					
19	Nb3	Rd7	39	Kf2	Ke7	59					
20	a3	h6	40	Ke3	Nh1+	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group
U20
Round
5
Board
36

WHITE Agim Sainjy				FED NEP				RESULT (W) 0			
BLACK Tse, Yuan Kha				FED MAS				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Na4	Rd6	41	Kf2	Nd2			
2	Nc3	Nf6	22	Nc3	Bxa3	42	Ke3	Nc4+			
3	g3	g6	23	Na4	Rxc1	43	Kd4	Nb6			
4	Bg2	d5	24	Nxc1	b5	44	g4	b5			
5	cxd5	cxd5	25	Nb6	Rc6	45	Kc5	Ne4+			
6	J4	exd4	26	Nxd5	Bxd5	46	Kxb5	Nf2			
7	Bxd4	Nc6	27	axb3	Bxg2	47	Kc5	Kxh3			
8	Qd1	Be6	28	Kvg2	Rc3	48	f5	Kf6			
9	Nf3	Be7	29	Ne2	Rxa3	49	Kd6	Kg5			
10	O-O	O-O	30	Rb1	Ra2	50	Ke7	f6			
11	Be3	Ng4	31	Nc3	Rc2	51	Kf1	Nf2			
12	Bd4	Nxd4	32	Nxb5	Ng4	52	Ne3	Nxg4			
13	Nxd4	Nf6	33	h3	Nxe3+	53	Nvg4	Kxg4			
14	Qb3	Qb6	34	Kf3	Nc4	54	Kxg7	Kg5			
15	Qb6	axb6	35	Nd4	Nd2+	55	Kh7	h5			
16	Rxf1	Rfd8	36	Kg2	Nxb1	56					
17	e3	Rac6	37	Nvc2	Nd2	57					
18	Rac1	Bc5	38	f4	Kf8	58					
19	Nb3	Rd7	39	Kf2	Ke7	59					
20	a3	h6	40	Ke3	Nh1+	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026.7.19

Group B12
Round 5

WHITE				FED				RESULT (W)			
Zhong, Hanneh				CHN				1			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Amanbek, Dias				KAZ				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Re8	Re8	41	Qb2	Qc4			
2	Bf4	Nf6	22	Re1	Re4	42	Qd12	h6			
3	e3	c5	23	Re4	d6	43	Kf2	Re7			
4	Nf3	Nc6	24	Qc4	Bf7	44	Qb2	Ac3			
5	Nbd2	a6	25	Qa6	Bb3	45	Qd12	Nb5			
6	c3	Bf3	26	ab	Kf8	46	h3	h4			
7	d6	Nu1	27	Nf1	g6	47	Qb3	c6			
8	Nd4	Bs6	28	Qc4	Qa7	48	Qc4	Qd7			
9	Kc6	b6	29	Qc4	Kf7	49	Kf6	-			
10	b4	e5	30	Bh4	Qf6	50	c7	Re7			
11	Bg3	Qe7	31	Re5	Re8	51	Bd7	Qd6			
12	Nb3	Qc7	32	Qc6	Qa1	52	Qd4				
13	Qe2	O-O	33	Be1	Qd1	53					
14	O-O	f5	34	Qd6	Qb3	54					
15	f4	Bf6	35	Qd4	Ac6	55					
16	Qe1	Re8	36	Qc3	Qd5	56					
17	Qe2	ef	37	Qd2	Kf7	57					
18	ex	Bc3	38	Kc1	Re4	58					
19	Qc3	Re2	39	Be3	Kb5	59					
20	Re1	R2e8	40	Qc2	Re8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zhong, Hanneh								Wang			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/07

Group B12
Round 5

WHITE				FED				RESULT (W)			
Zhong, Hanneh				CHN				7			
BLACK				FED				RESULT (B)			
Amanbek, Dias				KAZ				0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Re8	Re8	41	Qb2	Qc4			
2	Cf4	Nf6	22	Re1	Re4	42	Qd12	h6			
3	e3	c5	23	Re4	d6	43	Kf2	Re7			
4	Nf3	Nc6	24	Qc4	Bf7	44	Qb2	Ac3			
5	Nbd2	a6	25	Qa6	Bb3	45	Qd12	Nb5			
6	c3	Bf3	26	ab	Kf8	46	h3	h4			
7	d6	Nu1	27	Nf1	g6	47	Qb3	c6			
8	Nd4	Bs6	28	Qc4	Qa7	48	Qc4	Qd7			
9	Kc6	b6	29	Qc4	Kf7	49	Kf6	-			
10	b4	e5	30	Bh4	Qf6	50	c7	Re7			
11	Bg3	Qe7	31	Re5	Re8	51	Bd7	Qd6			
12	Nb3	Qc7	32	Qc6	Qa1	52	Qd4				
13	Qe2	O-O	33	Be1	Qd1	53					
14	O-O	f5	34	Qd6	Qb3	54					
15	f4	Bf6	35	Qd4	Ac6	55					
16	Qe1	Re8	36	Qc3	Qd5	56					
17	Qe2	ef	37	Qd2	Kf7	57					
18	ex	Bc3	38	Kc1	Re4	58					
19	Qc3	Re2	39	Be3	Kb5	59					
20	Re1	R2e8	40	Qc2	Re8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Zhong, Hanneh								Wang			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group B12
Round 5
Board 38

WHITE Zhang, Jin Rui				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Yao, Yichen				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	d4	Nf6	41	Nc1	Rh1			
2	c4	e6	22	c4	e6	42	Qe1	Qh2			
3	Nf3	d5	23	Nf3	d5	43	Rh2	Qh1			
4	Nc3	Bc7	24	Nc3	Bc7	44	Kt2	Ng2			
5	Bg5	O-O	25	Bg5	O-O	45					
6	e3	h6	26	e3	h6	46					
7	Bd4	c5	27	Bd4	c5	47					
8	Ba3	d6	28	Ba3	d6	48					
9	Bc4	Qd1	29	Bc4	Qd1	49					
10	Nd4	Qe5	30	Nd4	Qe5	50					
11	Nb3	Qd6	31	Nb3	Qd6	51					
12	O-O	Nf6	32	O-O	Nf6	52					
13	Bd4	e5	33	Bd4	e5	53					
14	Bb3	Bg4	34	Bb3	Bg4	54					
15	Qc2	Ra8	35	Qc2	Ra8	55					
16	Nd4	Rb8	36	Nd4	Rb8	56					
17	a3	Nf6	37	a3	Nf6	57					
18	Ba2	Bc2	38	Ba2	Bc2	58					
19	Nf4	Bc3	39	Nf4	Bc3	59					
20	xc1	c3	40	xc1	c3	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhang, Jin Rui				SIGNATURE (BLACK) Yao, Yichen				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group B12
Round 5
Board 38

WHITE Zhang, Jin Rui				FED CHN				RESULT (W) 0			
BLACK Yao, Yichen				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	b4	Nc4	41	Nc1	Bf1			
2	c4	e6	22	Bc4	Bf4	42	Qf1	Qh2			
3	Nf3	d5	23	Bc5	Bd3	43	Rh2	Qh1			
4	Nc3	Bc7	24	Qb2	Ng4	44	Kt2				
5	Bg5	O-O	25	Bd4	Qd6	45					
6	e3	h6	26	g3	Qg6	46					
7	Bd4	c5	27	h3	Nf6	47					
8	Bd3	d6	28	Kj2	Bgh5	48					
9	Bc4	Qd1	29	Rg1	h4	49					
10	Nd4	Qe5	30	Nf1	Bd6	50					
11	Nb3	Qd6	31	Kh1	Qf5	51					
12	O-O	Nf6	32	Kh2	Nh5	52					
13	Qe2	e5	33	Qd2	Qf3	53					
14	Bg3	Bg4	34	Qd1	Qh2	54					
15	Qc2	Ra8	35	Rg2	h9	55					
16	Nf2	Rd8	36	Kh1	Qf3	56					
17	a3	Nf6	37	Qd1	Qf5	57					
18	Ba2	Bc2	38	Ne2	Qh3	58					
19	Re1	Bd3	39	Rg1	Rc2	59					
20	Qc1	c4	40	Rc1	Rc1	60					
SIGNATURE (WHITE) Zhang, Jin Rui				SIGNATURE (BLACK) Yao, Yichen				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/1/26

Group B12
Round 5
Board 39

WHITE Li, Shicheng				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Song Yuchen (SH)				FED SGP				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Bg5	e6	41	h6	Rh5			
2	C4	g6	22	Rd1 Rd1	Rac8	42	Rh8	Kd7			
3	g3	Bg7	23	e3	Kf7	43	h7	Ke7			
4	Bg2	Qo	24	Kf1	h6	44	Ra8	Kb6			
5	O-O	db	25	Bf4	Ke7	45	h8=Q	Rh8			
6	d4	C6	26	h5	Kd7	46	Rh9	Kb5			
7	Nc3	Qa5	27	Ke2	Rc6	47	Ra8	Kb4			
8	Qc2	Qh5	28	Rc6	bc	48	Ra6	Kb5			
9	h4	Bg4	29	Rc6	Ra8	49	Ra8	Kc4			
10	Nh2	Qa5	30	b4	ab	50	a4	Kd3			
11	Ng4	Ng4	31	f3	gf	51	Kf3	e5			
12	Rd1	f5	32	Kf3	Ra7	52	de	C5			
13	Bf3	Nd7	33	Rg1	Ke8	53	e6	C4			
14	Bg4	fg	34	g4	fg	54	e7	C3			
15	Be3	Qf5	35	Rg4	Rf7	55	e8=Q	C2			
16	Qf5	gf	36	Rg6	ka7	56	Qb5	Kd2			
17	Rab1	Nb6	37	Kg3	Bf8	57	ae2	Kc3			
18	b3	ds	38	Bh6	Bh6	58	Rc8	MeK4			
19	Cd	Nd5	39	Rh6	Rf5	59	Qb5	Ka6			
20	Nd5	Cd	40	Rh7	Kd8	60	Rd3	Ka2			
SIGNATURE (WHITE) Li, Shicheng				SIGNATURE (BLACK) Song Yuchen				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 5
Board 39

WHITE Li, Shicheng				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Song, Yuchen (SH)				FED SGP				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nf6	21	Bg5	e6	41	h6	Rh5			
2	C4	g6	22	Rb1	Rac8	42	Rh8	Kd7			
3	g3	Bg7	23	e3	Kf7	43	h7	Ke7			
4	Bg2	O-O	24	Kf1	h6	44	Ra8	Kb6			
5	O-O	db	25	Bf4	Ke7	45	h3=Q	Rh8			
6	d4	C6	26	h5	Kd7	46	Ra8	Kb5			
7	Nc3	Qa5	27	Ke2	Rc6	47	Ra8	Kc4			
8	Qc2	Qh5	28	Rc6	Cc	48	Ra6	Kb5			
9	h4	Bg4	29	Rc1	Ra8	49	Ra8	Kc4			
10	Nh2	Qa5	30	b4	ab	50	a4	Kd3			
11	Ng4	Ng4	31	f3	gf	51	Kf3	e5			
12	Rd1	f5	32	Kf3	Ra7	52	de	C5			
13	Bf3	Nd7	33	Rg1	Ke8	53	e6	C4			
14	Bg4	fg	34	g4	fg	54	e7	C3			
15	Be3	Qf5	35	Rg4	Rf7	55	e8=Q	C2			
16	Qf5	gf	36	Rg6	ka7	56	Qb5	Kd2			
17	Rab1	Nb6	37	Kg3	Bf8	57	ae2	Kc3			
18	b3	ds	38	Bh6	Bh6	58	Rc8	MeK4			
19	Cd	Nd5	39	Rh6	Rf5	59	Qb5	Ka2			
20	Nd5	Cd	40	Rh7	Kd8	60	Rd3	Ka2			
SIGNATURE (WHITE) Li, Shicheng				SIGNATURE (BLACK) Song Yuchen				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group 502
Round 5
Board 40

WHITE Zhong De xi				FED CHN				RESULT (W) 2			
BLACK Hao Sining (B)				FED CHN				RESULT (B) 2			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc4	Rxd2	41					
2	Nf3	db	22	Bxd2	g6	42					
3	d4	cd	23	Bxb7	Rxb7	43					
4	Nxd4	Nf6	24	Qc3	Qg5	44					
5	Nf3	Nc6	25	b3	Ra7	45					
6	Be3	Bb4	26	a4	Qe7	46					
7	Bd3	d4	27	Qd3	Ra8	47					
8	ed	Nxd4	28	Qd6	Qa7	48					
9	Nf6	bxc6	29	ch	Rb8	49					
10	Bd2	Bb7	30	Rd3	Kb7	50					
11	R.Nxd4	Bxd2	31	Qe5+	KxKg8	51					
12	Qxd2	Qxd2	32	h4	Rg8	52					
13	o-o	o-o	33	Qg3	h5	53					
14	g3	Rad5	34	g5g+	Qb8	54					
15	Qf2	u5	35	Kg2	hg	55					
16	Rf8Rf8	Qh5	36	fg	Qb7	56					
17	Qb6	Rb8	37	Rf3	Rf8	57					
18	Qc3	Rd8	38	h4	Qe4	58					
19	Rd2	ch	39	Qg5	Qe7	59					
20	Rad1	Rd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhong De xi				SIGNATURE (BLACK) Hao Sining				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



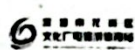
Date 2026.7.19

Group 82
Round 5
Board 40

WHITE Zhong De xi				FED China				RESULT (W) 0.5			
BLACK Hao Sining				FED China				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Bc4	Rd2	41					
2	Nf3	e6	22	Qd2	g6	42					
3	d4	cd	23	Bb7	Rb7	43					
4	Nd4	Nf6	24	Qc3	Qg5	44					
5	Nf3	Nc6	25	b3	Ra7	45					
6	Be3	Bb4	26	a4	Qe7	46					
7	Bd3	d5	27	Qd3	Ra8	47					
8	ed	Rd5	28	Qa7	Qd6	48					
9	Nc6	bc	29	Rb8	cd4	49					
10	Bd2	g6	30	Rd3	kg7	50					
11	Nd5	Bd2	31	Qe5	kg8	51					
12	Qd2	Qd5	32	h4	Rc8	52					
13	oo	oo	33	Qf6	h5	53					
14	f3	Rad8	34	g4	Qb8	54					
15	Qf2	a5	35	hg	fg	55					
16	Rf1	Qd5	36	Qb7	Rf8	56					
17	Qb6	Rb8	37	h5	Qe4	57					
18	Qe3	Rf8Rf8	38	Qg5	Qe2	58					
19	Rd2	Yc5	39			59					
20	Rad1	Rd5	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Zhong De xi				SIGNATURE (BLACK) Hao Sining				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

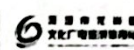


Date
2026.7.19

Group
B12
Round
5
Board
41

WHITE Babkin, Timothy Dm				FED RUS				RESULT (W) 0			
BLACK Li, Chongye				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4 86	c5 90	21	Rfd1 62	Qe4 70	41	g4 51	Qg5+ 56			
2	Nf3 87	Nc6 91	22	Rd3 57	Nb2 66	42	kh1 51	Qxh5 56			
3	d4 87	cd 91	23	Rd2 58	Nxa4 65	43	kg1 51	kh8 55			
4	Nxd4 88	g6 92	24	f3 55	Qe5 62	44	Rf2 50	c2 54			
5	Nc3 88	Bf7 92	25	Qd3 54	Re8 60	45	Rd1 51	Re3 55			
6	Be3 89	Nf6 92	26	Rd2 53	b5 58	46	Qxg6 51	Qg5+ 55			
7	Bc4 89	0-0 93	27	Bf2 53	Qd5 65	47	kh2 50	R3c6 56			
8	Bb3 89	Re8 93	28	c4 47	bc 57	48	b5 50	Rxg6 56			
9	0-0 90	d6 93	29	Qa3 48	Bxg4 58	49					
10	h3 90	Nas 91	30	Gxa4 48	Bxf4 58	50					
11	Ba4 90	Bd7 92	31	kxf2 48	Qb5 58	51					
12	Bxd7 90	Qxd7 92	32	Qa1 48	Qbb+ 58	52					
13	Qe2 91	Rac8 91	33	kg3 49	ds 56	53					
14	Rad1 88	ab 84	34	h4 49	Qd6+ 57	54					
15	Nd5 84	Nxd5 82	35	kh3 49	Qe6+ 56	55					
16	ed 82	Nc4 80	36	g4 49	Qf6 56	56					
17	c3 82	Qe7 78	37	Qa3 49	c3 56	57					
18	Rd1 87	Qa5 77	38	kg2 50	d4 56	58					
19	b4 67	Qd5 75	39	Rd1 50	c5 56	59					
20	Q4 65	R7 72	40	h5 50	gh 56	60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date
19/07/2026

Group
B12
Round
5
Board
42

WHITE Babkin				FED RUS				RESULT (W) 0			
BLACK Li				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ea e4	c5	21	1f	pe4	41	gn	kp2 55			
2	kf3	xc6	22	1d3	kb2	42	pn5 55	ph5			
3	py	cd	23	1e2	ka4	43	kp3 55	kp2 55			
4	ky4	g6	24	f3	pe5	44	1f2	c7			
5	ke3	cg7	25	pd3	1ec8	45	1c7	1c6			
6	ce3	kf6	26	1ea	b5	46	pa6	pg5			
7	cc4	o-o	27	cf2	pe5	47	kpn2	xc3c6			
8	cb3	1c1	28	c4	gbc	48	b5	1a6			
9	o-o	d6	29	pa3	cd4	49					
10	h3	ka5	30	pa4	cf2	50					
11	ca4	cd3	31	kpf7	qb5	51					
12	cb3	pd7	32	pa1	qb6	52					
13	pec2	11e8	33	kp33	d5	53					
14	11d1	A6	34	h4	pd5 55	54					
15	kd5	kd5	35	kpn3	pe6	55					
16	eb	xc4	36	g4	pf6	56					
17	c3	pc7	37	pa3	pegc3	57					
18	1c1	pa5	38	xpg6	ph	58					
19	g4	h4pe5	39	1d1	e5	59					
20	h7 14	1f7	40	d5	gn	60					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.11.19
Board: 42

WHITE Cao Sheng				BLACK Sathya Dhantha			
FED CHN				FED Sri Lanka			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				21			
1	e3	Nf6	21	Rd2	Bg1	41	Kg1
2	c4	g3	22	Rcd1	Nf6	42	Bg1
3	Nc3	Bg1	23	c5	b5	43	KH
4	Nf3	de	24	Bb3	Bh3	44	KH
5	d4	0-0	25	g3	Nf7	45	Rcd1
6	Bd2	Nbd1	26	h4	f5	46	Rcd1
7	0-0	0-0	27	h4	Kf3	47	Rcd1
8	dies	des	28	Bb3	Nf6	48	Bg1
9	0-0	0-0	29	Bb3	Bg1	49	Rcd1
10	0-0	0-0	30	0-0	Bb3	50	Rcd1
11	0-0	0-0	31	0-0	Bb3	51	Rcd1
12	0-0	0-0	32	0-0	Bb3	52	Rcd1
13	0-0	0-0	33	0-0	Bb3	53	Rcd1
14	0-0	0-0	34	0-0	Bb3	54	Rcd1
15	0-0	0-0	35	0-0	Bb3	55	Rcd1
16	0-0	0-0	36	0-0	Bb3	56	Rcd1
17	0-0	0-0	37	0-0	Bb3	57	Rcd1
18	0-0	0-0	38	0-0	Bb3	58	Rcd1
19	0-0	0-0	39	0-0	Bb3	59	Rcd1
20	0-0	0-0	40	0-0	Bb3	60	Rcd1

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.11.19
Board: 42

WHITE Cao Sheng				BLACK Sathya Dhantha			
FED CHN				FED Sri Lanka			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				21			
1	e3	Nf6	21	Rcd1	Kcd1	41	f65
2	c4	g6	22	Nf6	c5	42	0-0
3	Nc3	Bg1	23	b5	Bf3	43	0-0
4	Nf3	d6	24	Bh6	g3	44	0-0
5	d4	0-0	25	Nh7	h4	45	0-0
6	Bd2	Nbd1	26	f5	b4	46	0-0
7	0-0	0-0	27	Kf8	Bf2	47	0-0
8	de	de	28	Nf6	0-0	48	0-0
9	0-0	c7	29	Bb7	0-0	49	0-0
10	b3	0-0	30	Bh6	g4	50	0-0
11	Bb3	0-0	31	Nh7	h4	51	0-0
12	Rd1	g6	32	0-0	g6	52	0-0
13	Rcd1	h6	33	g6	Bf3	53	0-0
14	Nd4	b6	34	g6	Bf4	54	0-0
15	Bd6	0-0	35	g6	h5	55	0-0
16	h5	0-0	36	f4	0-0	56	0-0
17	Rcd8	Nf4	37	g6	0-0	57	0-0
18	Nf	Nf6	38	g6	h4	58	0-0
19	Bf6	Nc3	39	g6	h4	59	0-0
20	Bf6	Rd7	40	g6	h4	60	0-0

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.11.19
Board: 42

WHITE Cao Sheng				BLACK Sathya Dhantha			
FED CHN				FED Sri Lanka			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				21			
1	Rd2	0-0	21			41	
2	Nf5	0-0	22			42	
3	Nc3	0-0	23			43	
4	Rd1	0-0	24			44	
5	Rd1	0-0	25			45	
6	Rd1	0-0	26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.11.19
Board: 42

WHITE Cao Sheng				BLACK Sathya Dhantha			
FED CHN				FED Sri Lanka			
RESULT (W)				RESULT (B)			
1				21			
1	Kg2	Rd2	21			41	
2	Rd8	Nf5	22			42	
3	Rd8	Nc3	23			43	
4	Kg1	Rd1	24			44	
5	Kh2	Rd1	25			45	
6	Bb7	Rd1	26			46	
7			27			47	
8			28			48	
9			29			49	
10			30			50	
11			31			51	
12			32			52	
13			33			53	
14			34			54	
15			35			55	
16			36			56	
17			37			57	
18			38			58	
19			39			59	
20			40			60	



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B2
Round 5
Board 43

WHITE				BLACK			
X. Huanke				Zhang Yue Peng			
FED CHN				FED CHN			
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Rd1	Bc5	41	Rd1
2	c4	d4	22	Qd5	e5	42	Rd1
3	Nf3	a6	23	Nf8	Ke7	43	Rd1
4	Qe2	h6	24	Ke2	Rd2	44	Ke2
5	Bc3	h6	25	Rd2	Rd2	45	Ke2
6	Nd2	Nb3	26	g3	Rd2	46	Rd1
7	Rd1	Rd5	27	Rd1	Rd2	47	Ke2
8	Ke2	b6	28	Rd1	Rd2	48	Rd1
9	Nd4	Rd2	29	Ke2	Rd2	49	Rd1
10	Rd2	Rd5	30	Rd1	Rd2	50	Rd1
11	Qd4	Rd4	31	Rd1	Rd2	51	Ke2
12	Qd1	Ke5	32	Ke2	Rd2	52	Ke2
13	Rd1	Ke5	33	Ke2	Rd2	53	Ke2
14	Qd4	Ke5	34	Ke2	Rd2	54	Ke2
15	Qd4	Ke5	35	Ke2	Rd2	55	Ke2
16	Rd1	Ke5	36	Ke2	Rd2	56	Ke2
17	Qd4	Ke5	37	Ke2	Rd2	57	Ke2
18	Qd4	Ke5	38	Ke2	Rd2	58	Ke2
19	Rd1	Ke5	39	Ke2	Rd2	59	Ke2
20	Rd1	Ke5	40	Ke2	Rd2	60	Ke2
SIGNATURE (WHITE) X. Huanke				SIGNATURE (BLACK) Zhang Yue Peng			
SIGNATURE (ARBITER) [Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 5
Board 43

WHITE				BLACK			
Xu, Huanke				Zhang Yue Peng			
FED CHN				FED CHN			
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	d4	d5	21	Rb3	Bc3	41	Bd1
2	c4	d4	22	Qd5	a6	42	Rg3+
3	Nf3	a6	23	Rd5	Ke7	43	Rd4
4	a4	Nc6	24	Ke2	Rd2	44	Ke2
5	e3	Nd5	25	Ke2	Rd2	45	Ke2
6	Nd3	Nb3	26	g3	Rd2	46	Rd5
7	Rd1	Rd5	27	Rd1	Rd2	47	Rd5
8	Nc2	b5	28	Rd1	Rd2	48	Rd5
9	Nd4	Rd2	29	Rd1	Rd2	49	Rd5
10	Qxc2	e5	30	Rd1	Rd2	50	Rd5
11	Qd4	Rd4	31	Rd1	Rd2	51	Rd5
12	Qd1	Ke5	32	Ke2	Rd2	52	Rd5
13	Nd3	Ke5	33	Ke2	Rd2	53	Rd5
14	Qd4	Ke5	34	Ke2	Rd2	54	Rd5
15	Qd4	Ke5	35	Ke2	Rd2	55	Rd5
16	Rd1	Ke5	36	Ke2	Rd2	56	Rd5
17	Qd4	Ke5	37	Ke2	Rd2	57	Rd5
18	Qd4	Ke5	38	Ke2	Rd2	58	Rd5
19	Rd1	Ke5	39	Ke2	Rd2	59	Rd5
20	Rd1	Ke5	40	Ke2	Rd2	60	Rd5
SIGNATURE (WHITE) Xu, Huanke				SIGNATURE (BLACK) Zhang Yue Peng			
SIGNATURE (ARBITER) [Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17.40

WHITE				BLACK			
Xu, Huanke				Zhang Yue Peng			
FED CHN				FED CHN			
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Ke2	Ke7	21	Ke2	Ke7	41	Ke2
2	Qd7	Qd7	22	Qd7	Qd7	42	Ke2
3	Rd7	Ke7	23	Qd7	Ke7	43	Ke2
4	Ke7	Ke7	24	Qd7	Ke7	44	Ke2
5	Rd7	Ke7	25	Qd7	Ke7	45	Ke2
6	Ke7	Ke7	26	Qd7	Ke7	46	Ke2
7	Ke7	Ke7	27	Qd7	Ke7	47	Ke2
8	Ke7	Ke7	28	Qd7	Ke7	48	Ke2
9	Ke7	Ke7	29	Qd7	Ke7	49	Ke2
10	Ke7	Ke7	30	Qd7	Ke7	50	Ke2
11	Ke7	Ke7	31	Qd7	Ke7	51	Ke2
12	Ke7	Ke7	32	Qd7	Ke7	52	Ke2
13	Ke7	Ke7	33	Qd7	Ke7	53	Ke2
14	Ke7	Ke7	34	Qd7	Ke7	54	Ke2
15	Ke7	Ke7	35	Qd7	Ke7	55	Ke2
16	Ke7	Ke7	36	Qd7	Ke7	56	Ke2
17	Ke7	Ke7	37	Qd7	Ke7	57	Ke2
18	Ke7	Ke7	38	Qd7	Ke7	58	Ke2
19	Ke7	Ke7	39	Qd7	Ke7	59	Ke2
20	Ke7	Ke7	40	Qd7	Ke7	60	Ke2
SIGNATURE (WHITE) Xu, Huanke				SIGNATURE (BLACK) Zhang Yue Peng			
SIGNATURE (ARBITER) [Signature]							

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12
Round 5
Board 43

WHITE				BLACK			
Edun Xu Huanke				Zhang Yue Peng			
FED CHN				FED CHN			
RESULT (W) 0				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE
1	Ke2	Ke7	21	Kd2	h1=Q	41	
2	Qd7	Ke7	22	Ke3	Qd1+	42	
3	Rd7	Ke7	23	Kd4	Qd1+	43	
4	Ke7	Ke7	24	Ke5	Qd1+	44	
5	Rd7	Ke7	25	Ke5	Qd1+	45	
6	Ke7	Ke7	26	Ke5	Qd1+	46	
7	Ke7	Ke7	27	Ke5	Qd1+	47	
8	Ke7	Ke7	28	Ke5	Qd1+	48	
9	Ke7	Ke7	29	Ke5	Qd1+	49	
10	Ke7	Ke7	30	Ke5	Qd1+	50	
11	Ke7	Ke7	31	Ke5	Qd1+	51	
12	Ke7	Ke7	32	Ke5	Qd1+	52	
13	Ke7	Ke7	33	Ke5	Qd1+	53	
14	Ke7	Ke7	34	Ke5	Qd1+	54	
15	Ke7	Ke7	35	Ke5	Qd1+	55	
16	Ke7	Ke7	36	Ke5	Qd1+	56	
17	Ke7	Ke7	37	Ke5	Qd1+	57	
18	Ke7	Ke7	38	Ke5	Qd1+	58	
19	Ke7	Ke7	39	Ke5	Qd1+	59	
20	Ke7	Ke7	40	Ke5	Qd1+	60	
SIGNATURE (WHITE) Edun Xu Huanke				SIGNATURE (BLACK) Zhang Yue Peng			
SIGNATURE (ARBITER) [Signature]							



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.19
Group: B12
Round: 5
Board: 44

WHITE 何肖逸				BLACK 田宇泽				
RPA: 164				Sd: 1819				
FED: CHN				FED: CHN				
RESULT (W)				RESULT (B)				
0				1				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	Nh6	21	Rd0	Qc4	41	Kf1	d4
2	c4	g6	22	Qd1	Qd1	42	f5	Rf5
3	Bd7	Bg7	23	h8	b7	43	kg	d3
4	e4	db4	24	g3	Bf5	44	kg	d2
5	d4	O-O	25	Ks2	Bf4	45	kg	d1=Q
6	Be2	Nb8	26	Qf4	h4?	46	h7	Rh5
7	O-O	e5	27	h4	Qf1	47	kg	Rh2
8	d5	Nc5	28	Qd3	Qd4	48	h7	e
9	Qd2	Qd5	29	h4	Qd	49	kg	e4
10	Be7	b6	30	kg	Qe6	50	kg	e2
11	Qd	Qd4	31	Qe6	fc	51	g	e2
12	Bg5	bc	32	h5	b2	52	h7	
13	Qd4	Ne4	33	h9	hg	53		e1=Q
14	Qd4	Rd4	34	f4	b1=Q	54	kg	h7
15	Qd2	Rd5	35	h9	c5	55	Qd2	h7
16	Qd	h4?	36	h9	c4	56	Qd2	h7
17	Qd4	Rd4	37	h9	c3	57	kg	h7
18	Rd1	cb	38	h9	c2	58	Qd5	h7
19	Qd4	Qd8	39	h9	d1=Q	59	a	Qd
20	Qd4	Rd4	40	h9	d5	60	h7	Qd2
SIGNATURE (WHITE) 何肖逸				SIGNATURE (BLACK) 田宇泽				

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date: 2026.7.19
Group: B12
Round: 5
Board: 44

WHITE 何肖逸				FED				RESULT (W)			
BLACK 田宇泽				FED				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	g6 Nf6	21	Qxf4	Qh6	41	Kf1	d4			
2	c4	V Nc3	22	Qd4	Bf1	42	f5	x f5			
3	Bg7	e4	23	b3	g3	43	kg4	g4d6			
4	d6	d4	24	Bd5	Kg2	44	Kh7	Rh5			
5	O-O	Be2	25	Be4	Qh4	45	kg7	Rh2			
6	Nbd7	O-O	26	Bxf3	Kxf3	46	Jch7	e5			
7	e5	d5	27	Qxf1	Kxf1	47	Kf2	e4			
8	Nc5	Qc2	28	Qf6	Qc4	48	g2	e1			
9	Qd5	Be3	29	h4	Qe1	49	g5	e2			
10	b6	Q3	30	kg4	Qd6	50	Kh7	e1=Q			
11	Qd	Bxc5	31	Qd6	fe	51	Kf2	Q5			
12	bc	Nd4	32	h5	b2	52	Qd2	Kh4			
13	Nd4	Qd4	33	h4	h9	53	Qc2	Kf4			
14	Rd4	Qc2	34	f4	b1Q	54	Q4	Kf7			
15	Rd8	b4	35	Kf1	c5	55	Qb5	Kf2			
16	e5	Qd4	36	Kf	c5	56	Q	Qf			
17	Bxa1	Rxa1	37	Kf1	c3	57	h9				
18	cb	a4	38	Kf2	c2	58					
19	Qd8	Qd3	39	Kf1	c1=Q	59					
20	Rd4	Rd4	40	Kf2	d5	60					
SIGNATURE (WHITE) 何肖逸				SIGNATURE (BLACK) 田宇泽				SIGNATURE (ARBITER) 王			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16-43

Group B/2								
Round 5								
Date 7/19								
Board #5								
WHITE			BLACK			RESULT (W)		
Ismailov Omarbek			TKM			0		
BLACK			Wang Hsiao-Chuan			TPE		
						RESULT (B)		
						1		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bxe5	Be6	41		
2	Bf4	c5	22	Bxe7	Rh6	42		
3	e3	Nc6	23	e4	Rc2	43		
4	c3	Nf6	24	Ke3	Rac1	44		
5	Nd2	Bf5	25	e5	R8c7	45		
6	Qb3	Qd7	26	RxR	RxR	46		
7	Nf3	c4	27	h3	Rc3	47		
8	Qd1	c6	28	Kf2	Rxb3	48		
9	b3	b5	29	f4	f5	49		
10	Q4	b4	30	exf	Nxg6	50		
11	Cxb4	c3	31	Bb5	Ne4	51		
12	Ne5	Cxd2	32	Kg2	Rb2	52		
13	Qxd2	Bxb4	33	Kf3	Rf2	53		
14	Nxd7	Bxd2	34	Kd3	Nc2	54		
15	Kxd2	Kxd7	35	Kd3	Rd2	55		
16	f3	Ke7	36			56		
17	Rc1	Nb4	37			57		
18	Rc7	Nd7	38			58		
19	Rb7	Q5	39			59		
20	Q4	c5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
			wang					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16-43

Group B/2								
Round 5								
Date 7/19								
Board #5								
WHITE			BLACK			RESULT (W)		
Wang Hsiao-Chuan			TPE			?		
BLACK			Ismailov Omarbek			TKM		
						RESULT (B)		
						0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bxe5	Be6	41		
2	Bf4	c5	22	Bxe7	Rh6	42		
3	e3	Nc6	23	e4	Rc2	43		
4	c3	Nf6	24	Ke3	Rac1	44		
5	Nd2	Bf5	25	e5	R8c7	45		
6	Qb3	Qd7	26	RxR	RxR	46		
7	Nf3	c4	27	h3	Rc3	47		
8	Qd1	c6	28	Kf2	Rxb3	48		
9	b3	b5	29	f4	f5	49		
10	Q4	b4	30	exf	Nxg6	50		
11	Cxb4	c3	31	Bb5	Ne4	51		
12	Ne5	Cxd2	32	Kg2	Rb2	52		
13	Qxd2	Bxb4	33	Kf3	Rf2	53		
14	Nxd7	Bxd2	34	Kd3	Nc2	54		
15	Kxd2	Kxd7	35	Kd3	Rd2	55		
16	f3	Ke7	36			56		
17	Rc1	Nb4	37			57		
18	Rc7	Nd7	38			58		
19	Rb7	Q5	39			59		
20	Q4	c5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
			wang					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



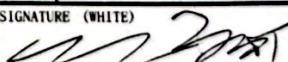
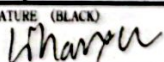
4:29

WHITE Kim Junesun (1675)		FED GUM		RESULT (W) 1/2				
BLACK Li Hanan (1569)		FED CHN		RESULT (B) 1/2				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe5	Qf8	41		
2	Bf4	Nf6	22	Qg3	Rd5	42		
3	e3	e6	23	Re5	Rg2B	43		
4	c3	a6	24	Rae8	Qe7	44		
5	Nd2	c5	25	Qf3	Qb7	45		
6	Bd3	Nbd7	26	Rxe5	Qxd5	46		
7	Ngf3	c4	27	Qg4	Qc6	47		
8	Bc2	b5	28	Re5	Rd5	48		
9	a3	Be7	29	Qe4	Qd7	49		
10	h3	Bb7	30	f4	Qd5	50		
11	o-o	o-o	31	Kf2	Rxc5	51		
12	Qb1	Qb6	32	fxe5	Qd4	52		
13	Nes	h6	33	Kf3	Kf8	53		
14	e4	dxc4	34	Qxj5	cxd5	54		
15	Nxe4	Nxe5	35	Kf4	Ke7	55		
16	Bxe5	Nxe4	36	g4	Kc6	56		
17	Bxc4	Bxc4	37	h4	g6	57		
18	Qxc4	Bb6	38			58		
19	Bxd6	Qxd6	39			59		
20	Rfe1	Kd8	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



16:29

WHITE Kim J Junesun			FED			RESULT (W) 0-5		
BLACK Lihanya			FED			RESULT (B) 0-2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe5	Qf8	41		
2	Bf4	Nf6	22	Qg3	Rd5	42		
3	e3	e6	23	Re4	Rd8	43		
4	c3	a6	24	Rae1	Qe7	44		
5	Nbd2	c5	25	Qf3	Qb7	45		
6	Rd3	Nbd7	26	Rxd5	Qxd5	46		
7	Nf3	c4	27	Qg4	Qc6	47		
8	Bc2	b5	28	Re5	Rd5	48		
9	a3	Be7	29	Qe4	Qd7	49		
10	h3	Bd6	30	f4	Qd6	50		
11	0-0	0-0	31	Kf2	Rxa5	51		
12	Qb2	Qb6	32	fe	Qe5	52		
13	Nc5	h6	33	Kc3	Kf8	53		
14	e4	de	34	Qx45	ed	54		
15	Nxe5	Nxe5	35	Rf4	Ke7	55		
16	Bxe5	Nxe4	36	g4	Ke6	56		
17	Bxe4	Bxe4	37	h4	g6	57		
18	Qxe4	Bd6	38			58		
19	Bxd6	Qxd6	39			59		
20	Rf5e1	Rf5B	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
								



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17.24

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	c4	c5	21	g6	g6	41					
2	lax	g6	22	lax	lax	42					
3	d3	g6	23	lax	c4	43					
4	f4	d6	24	dc	dc	44					
5	kt3	.e5	25	kt3	dc	45					
6	c3	ker	26	lax	kt5	46					
7	o-o	o-o	27	b3	cd3	47					
8	kt3	ktcc	28	lax	cd	48					
9	kt2	to	29	lax	kt3	49					
10	te	ker	30	lax	kt	50					
11	et	kt5	31	lax	kt	51					
12	kt3	kt6	32	cd	kt	52					
13	kt5	kt5	33	kt	kt	53					
14	kt4	kt6	34			54					
15	ct3	kt2	35			55					
16	kt5	de	36			56					
17	kt6	kt6	37			57					
18	cd5	cd4	38			58					
19	kt6	kt6	39			59					
20	kt4	kt6	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17.24

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	e4	c5	21	Qc6	Qc6	41					
2	Be2	g6	22	Bc6	Ac8	42					
3	d3	Bg7	23	Bf3	g4	43					
4	f4	d6	24	dxg4	Bxg4	44					
5	Nf3	e5	25	Re1	Nh4	45					
6	c3	Ne7	26	Bg4	Re7	46					
7	0-0	0-0	27	Bg5	Nf5	47					
8	Na3	Nb6	28	b3	Bf3	48					
9	Nc2	f7	29	Rd1	g4	49					
10	fxe5	Nxe5	30	Bf4	Re7	50					
11	exf5	Nxf5	31	g3	h5	51					
12	Ne3	Qb6	32	Bc2	Bxc2	52					
13	Nxe5	Bxe5	33	Rxe2	Re8	53					
14	Nc4	Qc6	34	g4	h4	54					
15	Bf3	Qc7	35	g5	hxg3	55					
16	Nxe5	dxg5	36	hxg3	Nd4	56					
17	Qb3+	Kh8	37	Rxd4		57					
18	Rf5	Rf7	38			58					
19	Qxb7	Qd6	39			59					
20	Be4	Be6	40			60					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17.19

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17.19

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	J4	d5	31	Nd4	Bf8	41	b9	Ra1			
2	Pf4	Nf6	32	Nf5	ef	42	Kb5	Kb7			
3	Nf3	c5	33	Bb5	Rb8	43	Rd7	Ra2			
4	c3	Qb6	34	Rd7	Rd7	44	Rf5	Rk2			
5	Qe2	mb	35	Rd4	b5	45	Rf5	Rc2			
6	Q3	cd	36	Ra7	Re7	46	Rh5	Bc5			
7	ed	Bf5	37	Re7	se7	47	Re5	Re5			
8	Qb3	Qb3	38	Rd7	Kf8	48	fe	h5			
9	ab	ab	39	Rd7	Rd5	49	e6	Kf7			
10	Bc2	e6	40	Rd5	Ra1	50	Kc6	kekcd			
11	0-0	Bc7	41	Kf2	Rb1	51	b5	l9			
12	b4	0-0	42	Rd7	Kc8	52	Dh4	Kc8			
13	Nb1	h6	43	Bc5	Bd8	53	b6	Kf8			
14	Ra2	Ra7	44	g3	Bc7	54	Bf6	Kb8			
15	Rf1	Rf8	45	Ke3	Ke4	55	b7	Kh7			
16	Nc5	Nc5	46	Ke4	Ra1	56	h1-c	Ekab			
17	de	Nd7	47	Ke4	Kd7	57	Qg8	Kf1			
18	Bc3	b6	48	Bf2	g4	58	Qf1	Kc5			
19	f4	q5	49	g5	Rh1	59	e7	Kc4			
20	Nb3	a4	50	Kc5	Kc8	60	eb-a	Kd3			

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	J4	d5	31	Nd4	Bf8	41	b9	Ra1			
2	Pf4	Nf6	32	Nf5	ef	42	Kb5	Kb7			
3	Nf3	c5	33	Bb5	Rb8	43	Rd7	Ra2			
4	c3	Qb6	34	Rd7	Rd7	44	Rf5	Rk2			
5	Qe2	mb	35	Rd4	b5	45	Rf5	Rc2			
6	Q3	cd	36	Ra7	Re7	46	Rh5	Bc5			
7	ed	Bf5	37	Re7	se7	47	Re5	Re5			
8	Qb3	Qb3	38	Rd7	Kf8	48	fe	h5			
9	ab	ab	39	Rd7	Rd5	49	e6	Kf7			
10	Bc2	e6	40	Rd5	Ra1	50	Kc6	kekcd			
11	0-0	Bc7	41	Kf2	Rb1	51	b5	l9			
12	b4	0-0	42	Rd7	Kc8	52	Dh4	Kc8			
13	Nb1	h6	43	Bc5	Bd8	53	b6	Kf8			
14	Ra2	Ra7	44	g3	Bc7	54	Bf6	Kb8			
15	Rf1	Rf8	45	Ke3	Ke4	55	b7	Kh7			
16	Nc5	Nc5	46	Ke4	Ra1	56	h1-c	Ekab			
17	de	Nd7	47	Ke4	Kd7	57	Qg8	Kf1			
18	Bc3	b6	48	Bf2	g4	58	Qf1	Kc5			
19	f4	q5	49	g5	Rh1	59	e7	Kc4			
20	Nb3	a4	50	Kc5	Kc8	60	eb-a	Kd3			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17.19

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

17.19

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Qf3	Kc2	21					41			
2	Qe2	Kb3	22					42			
3	C4	Kb4	23					43			
4	Qf3	Kc3	24					44			
5	c5	Kb4	25					45			
6	Qf4	Ka3	26					46			
7	Qf3	Kb4	27					47			
8	Qb2	Ka5	28					48			
9	Qb4		29					49			
10			30					50			
11			31					51			
12			32					52			
13			33					53			
14			34					54			
15			35					55			
16			36					56			
17			37					57			
18			38					58			
19			39					59			
20			40					60			

WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	Qf3	Kc2	21					41			
2	Qe2	Kb3	22					42			
3	C4	Kb4	23					43			
4	Qf3	Kc3	24					44			
5	c5	Kb4	25					45			
6	Qf4	Ka3	26					46			
7	Qf3	Kb4	27					47			
8	Qb2	Ka5	28					48			
9	Qb4		29					49			
10			30					50			
11			31					51			
12			32					52			
13			33					53			
14			34					54			
15			35					55			
16			36					56			
17			37					57			
18			38					58			
19			39					59			
20			40					60			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 1.19

Group B12
Round 5
Board 49

WHITE				BLACK							
Pi Chongxi				FED CHN							
Li Shang				FED CHN							
RESULT (W)				RESULT (B)							
1				0							
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	c5	21	Qb3	Bg5	41	Rh7	Bc5			
2	Nf3	d6	22	Kb1	Qb3	42	Rf7				
3	d4	cd	23	Qb	Rfd8	43					
4	Nb4	Nf6	24	Nc6	Oxf4	44					
5	Nc3	a6	25	Rd4	g5	45					
6	f3	e5	26	h4	h6	46					
7	Nb3	Bc6	27	h9	h9	47					
8	Be3	Be7	28	Nb4	Re2	48					
9	Qd2	0-0	29	c3	Ra8	49					
10	0-0-0	Nbd7	30	Nd3	Be5	50					
11	g4	b5	31	Rg4	B+6	51					
12	g5	Nh5	32	f4	Rd2	52					
13	Nd5	Bd5	33	Rh3	R08	53					
14	ed	Rc8	34	f9	B97	54					
15	Bh3	Nf4	35	g8	f6	55					
16	Bf4	cf	36	Nf4	Re1	56					
17	Ba7	Qa7	37	Kg2	f5	57					
18	Qf4	Qc7	38	Rg2	Rdd1	58					
19	Nd4	Qc4	39	b4	Rf1	59					
20	Qe3	Bd6	40	Nf4	f4	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
Pi Chongxi				Li Shang				one			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2024.7.19

Group B12
Round 5
Board 49

WHITE				BLACK				
Pi Chongxi				FED CHN				
BLACK				FED CHN				
Li Shang				RESULT (W) 1				
				RESULT (B) 0				
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qb3	Bxg5	41	Rh7	Bc5
2	Nf3	d6	22	Kb1	Qxb3	42	Rf7	
3	d4	cd	23	ab	Rfd8	43		
4	Nxd4	Nf6	24	Nc6	Bf4	44		
5	Nc3	a6	25	Rd4	g5	45		
6	f3	e5	26	h4	h6	46		
7	Nb3	Be6	27	h9	h9	47		
8	Be3	Be7	28	Nb4	Re2	48		
9	Qd2	0-0	29	c3	Ra8	49		
10	0-0-0	Nbd7	30	Nd3	Be5	50		
11	g4	b5	31	Rg4	Bf6	51		
12	g5	Nh5	32	f4	Rd2	52		
13	Nd5	Bxd5	33	Rh3	Ra8	53		
14	ed	Rcd	34	f9	Bg7	54		
15	Pb3	Nf4	35	g6	f6	55		
16	Bxf4	ef	36	Nf4	Rd8+	56		
17	Bxd7	Qxd7	37	Ra2	f5	57		
18	Qxf4	Qc7	38	Rgr	Rdd1	58		
19	Nd4	Qc4	39	b4	Rf1	59		
20	Qe3	Bd8	40	Neb	f4	60		
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				
Pi Chongxi				Li Shang				
				SIGNATURE (ARBITER)				
				one				



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.6.26 Board 50

WHITE Zhuge Shenlin				FED CHN				RESULT (R) 0			
BLACK Miles Chayun Huang				FED THA				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6(1:30.90)	21	Nxd3	f6(54.51)	41	Rxe2	Rxe2(6.02)			
2	Bf4	d5(1:31.03)	22	Re1	f5(49.11)	42	Rd3	Re4(6.23)			
3	e3	Bf5(1:31.06)	23	Ne2	Be8(47.52)	43	Re3	Rxb4(4.12)			
4	Nf3	e6(1:31.23)	24	Ra2	Be7(46.00)	44	Re7+	Kf6(4.33)			
5	c4	c6(1:31.16)	25	Ra3	Kf7(44.19)	45	Re3	Rd4(4.55)			
6	Qb3	Qb6(1:29.05)	26	Kf1	Rce8(38.33)	46	Rxe4	dx4(5.20)			
7	c5	Qxb3(1:29.24)	27	Ra1	e5(38.32)	47	Kf1	Ke5(5.48)			
8	axb3	Nbd7(1:29.37)	28	b3	Kg7(31.25)	48	Kc2	Kd4(6.19)			
9	b4	Rc8(1:29.25)	29	Kg1	Re6(27.21)	49	Kd2	Kxc5(6.09)			
10	Nc3	a6(1:29.23)	30	Ra2	Rhe8(25.22)	50	Kc3	b5(6.06)			
11	Be2	Nh4(1:28.28)	31	Kf1	g4(16.02)	51	b4+	Kd5(6.32)			
12	Bg3	Nhg3(1:28.52)	32	Kg1	f4(12.35)	52	Kd2	Kd4(6.53)			
13	hxg3	Nf6(1:25.04)	33	gxf4	exf4(11.43)	53	Kc1	Kc3(7.19)			
14	O-O	Be7(1:23.55)	34	exf4	Nxf4(11.03)	54	Kb1	Kxb4(7.47)			
15	Re1	Nd7(1:13.18)	35	Nbxf4	Bxf4(11.24)	55	f3	exf3(8.12)			
16	Bf1	h6(1:09.08)	36	Kf1	h5(8.46)	56	Ka1	f2(8.37)			
17	Be2	g5(1:02.53)	37	g3	Bg5(8.12)	57	Kb1	f1-Qh1(9.03)			
18	Rd1	Nf8(1:00.18)	38	Kg2	Bf6(7.56)	58	Kc2	Qe2+(9.16)			
19	Ne1	Ng6(58.56)	39	Rd2	Bxd4(6.01)	59	Kb1	Kb3(9.31)			
20	Bd3	Bd3(57.04)	40	Rxd4	Rxe2(5.35)	60	Ka1	Qd2+(9.24)			
SIGNATURE (WHITE) Zhuge Shenlin				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 21.9 Board 50

WHITE Zhuge Shenlin				FED CHN				RESULT (R) 0			
BLACK Huang, Miles C. L.				FED THA				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	g5	Nd3	41	Re2	Re2			
2	Bf4	d5	22	R	f5	42	Rd3	Rer			
3	e3	Bf5	23	Ne2	Bd8	43	Re1	Rb4			
4	Nf3	e6	24	Ra2	Bc7	44	R	e7/c6			
5	c4	c6	25	Ra3	Kc8	45	Re3	Ret			
6	Qb3	Qb6	26	Kc1	Rc8	46	Re4	de			
7	c5	Qb3	27	R	a1/e5	47	Kc1	Kc5			
8	a6	Nd3	28	b3	Kc7	48	Kc2	Kd4			
9	b4	Rc8	29	Kc1	R	49	Kd2	Kc5			
10	Nc3	a6	30	R	a2/R	50	Kc3	b5			
11	B	e2/N	31	Kc1	g4	51	b4	Kd5			
12	Bg3	Nhg3	32	Kc1	f4	52	Kd2	Kd4			
13	hxg3	Nf6	33	g5	e5	53	Kc1	Kc3			
14	O-O	Be7	34	e5	Nf5	54	Kb1	Kb4			
15	Re1	Nd7	35	Nf5	Bb4	55	f3	e5			
16	Bf1	h6	36	Kc1	h5	56	Kc1	f2			
17	Be2	g5	37	g3	Bg5	57	Kb1	Qd5=			
18	Rd1	Nf8	38	Kg2	Bf6	58	Kc2	Qe2			
19	Ne1	Ng6	39	Rd2	Bd4	59	Kb1	Kb3			
20	Bd3	Bd3	40	Rxd4	Rxe2	60	Ka1	Qd2			
SIGNATURE (WHITE) Zhuge Shenlin				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
12B
Round
5
Board
51

WHITE Rajan Rajan				BLACK Taraprasanna Rajan				RESULT (W)			
FED IND				FED IND				RESULT (B)			
* WHITE				* WHITE				* WHITE			
* BLACK				* BLACK				* BLACK			
1	e4	e5		21	Rxb8	1xg		41			
2	Nf3	Nc6		22	g4	e6		42			
3	d4	exd4		23	f1	Bxg		43			
4	Bc4	Bb4		24	c4	e5		44			
5	g3	dx c3		25	xd5	fxg		45			
6	Bxb3	Bc5		26	Nt4			46			
7	Bb2	R Kx		27				47			
8	Qd5+	Ke8		28				48			
9	Qh5+	g6		29				49			
10	Qxc5	d6		30				50			
11	Qe3	Qe7		31				51			
12	Bb2	Nf6		32				52			
13	O-O	Kf7		33				53			
14	Re1	Nxe4		34				54			
15	Qe4	Qxe4		35				55			
16	Rxe4	Bf5		36				56			
17	Rxc5	Rxe8		37				57			
18	f4	g5		38				58			
19	Nd5+	Kg8		39				59			
20	Nxh7+	Kf7		40				60			
SIGNATURE (WHITE) Rajan				SIGNATURE (BLACK) Taraprasanna				SIGNATURE (ARBITER) Chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group
12B
Round
5
Board
51

WHITE Rajan Rajan				BLACK Taraprasanna Rajan				RESULT (W)			
FED IND				FED IND				RESULT (B)			
* WHITE				* WHITE				* WHITE			
* BLACK				* BLACK				* BLACK			
1	e4	e5		21	Rxb8	1xg		41			
2	Nf3	Nc6		22	g4	e6		42			
3	d4	exd4		23	f1	Bxg		43			
4	Bc4	Bb4		24	c4	e5		44			
5	g3	dx c3		25	xd5	fxg		45			
6	Bxb3	Bc5		26	Nt4			46			
7	Bb2	R Kx		27				47			
8	Qd5+	Ke8		28				48			
9	Qh5+	g6		29				49			
10	Qxc5	d6		30				50			
11	Qe3	Qe7		31				51			
12	Bb2	Nf6		32				52			
13	O-O	Kf7		33				53			
14	Re1	Nxe4		34				54			
15	Qe4	Qxe4		35				55			
16	Rxe4	Bf5		36				56			
17	Rxc5	Rxe8		37				57			
18	f4	g5		38				58			
19	Nd5+	Kg8		39				59			
20	Nxh7+	Kf7		40				60			
SIGNATURE (WHITE) Rajan				SIGNATURE (BLACK) Taraprasanna				SIGNATURE (ARBITER) Chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12

Round 5

Date 7.19

Board 52

WHITE			BLACK			WHITE			BLACK			WHITE			BLACK		
Qiu Tianyu			Chen Junchen			Qiu Tianyu			Chen Junchen			Qiu Tianyu			Chen Junchen		
FED CHN			FED CHN			FED CHN			FED CHN			FED CHN			FED CHN		
RESULT (W)			RESULT (B)			RESULT (W)			RESULT (B)			RESULT (W)			RESULT (B)		
1			21			41			61			81			101		
2			22			42			62			82			102		
3			23			43			63			83			103		
4			24			44			64			84			104		
5			25			45			65			85			105		
6			26			46			66			86			106		
7			27			47			67			87			107		
8			28			48			68			88			108		
9			29			49			69			89			109		
10			30			50			70			90			110		
11			31			51			71			91			111		
12			32			52			72			92			112		
13			33			53			73			93			113		
14			34			54			74			94			114		
15			35			55			75			95			115		
16			36			56			76			96			116		
17			37			57			77			97			117		
18			38			58			78			98			118		
19			39			59			79			99			119		
20			40			60			80			100			120		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Qiu Tianyu			Chen Junchen			chen			Qiu Tianyu			Chen Junchen			chen		

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group B12

Round 5

Date 7.19

Board 52

WHITE			BLACK			WHITE			BLACK			WHITE			BLACK		
Qiu Tianyu			Chen Junchen			Qiu Tianyu			Chen Junchen			Qiu Tianyu			Chen Junchen		
FED CHN			FED CHN			FED CHN			FED CHN			FED CHN			FED CHN		
RESULT (W)			RESULT (B)			RESULT (W)			RESULT (B)			RESULT (W)			RESULT (B)		
1			21			41			61			81			101		
2			22			42			62			82			102		
3			23			43			63			83			103		
4			24			44			64			84			104		
5			25			45			65			85			105		
6			26			46			66			86			106		
7			27			47			67			87			107		
8			28			48			68			88			108		
9			29			49			69			89			109		
10			30			50			70			90			110		
11			31			51			71			91			111		
12			32			52			72			92			112		
13			33			53			73			93			113		
14			34			54			74			94			114		
15			35			55			75			95			115		
16			36			56			76			96			116		
17			37			57			77			97			117		
18			38			58			78			98			118		
19			39			59			79			99			119		
20			40			60			80			100			120		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Qiu Tianyu			Chen Junchen			chen			Qiu Tianyu			Chen Junchen			chen		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7.19

Group B/2
Round 5
Board 53

WHITE Zhu Zang (Zhang)				FED AUS				RESULT (W) 1			
BLACK Lin Anteng				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne7	Kh7	41					
2	c4	c6	22	Qxe6	Bxe6	42					
3	cx4	cx5	23	Nx8	Bx8	43					
4	Bf4	Nc6	24	d5	Bb7	44					
5	e3	Nf6	25	e4	g3	45					
6	Nc3	a6	26	e6	Nd6	46					
7	Bd3	h6	27	e5	Nc4	47					
8	a3	e6	28	Rd3	Nx8	48					
9	Qc2	Bd6	29	d6	Bc6	49					
10	Bxd6	RQxd6	30	Rd4	Re1	50					
11	f4	Bd7	31	d7	Nxd7	51					
12	Nf3	O-O	32	exd7	Rd2	52					
13	Ne5	Ne8	33			53					
14	O-O	Nxe5	34			54					
15	fxe5	Qe7	35			55					
16	Rf3	f5	36			56					
17	Raf3	Rc8	37			57					
18	Qb3	b5	38			58					
19	Bxf5	exf5	39			59					
20	Nxd5	Qe6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>zhang</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Lin Anteng</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19.7.26

Group B/2
Round 5
Board 53

WHITE Zang Zhi				FED AUS				RESULT (W) 1			
BLACK Lin Anteng				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne7	Kh7	41					
2	c4	c6	22	Qxe6	Bxe6	42					
3	cx4	cx5	23	Nx8	Bx8	43					
4	Bf4	Nc6	24	d5	Bb7	44					
5	e3	Nf6	25	e4	g3	45					
6	Nc3	a6	26	e6	Nd6	46					
7	Bd3	h6	27	e5	Nc4	47					
8	a3	e6	28	Rd3	Nx8	48					
9	Qc2	Bd6	29	d6	Bc6	49					
10	Bxd6	RQxd6	30	Rd4	Re1	50					
11	f4	Bd7	31	d7	Nxd7	51					
12	Nf3	O-O	32	exd7	Rd2	52					
13	Ne5	Ne8	33			53					
14	O-O	Nxe5	34			54					
15	fxe5	Qe7	35			55					
16	Rf3	f5	36			56					
17	Raf3	Rc8	37			57					
18	Qb3	b5	38			58					
19	Bxf5	exf5	39			59					
20	Nxd5	Qe6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>zhang</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Lin Anteng</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
7.19Group
B12
Round
5
Board
54

WHITE				FED		china		RESULT (W)	
BLACK				FED		CHN		RESULT (B)	
LanJue ming				Mao, Xiaoxian				1 0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	e4	e6	21	f9	Rf7	41			
2	d4	d5	22	a4	b4	42			
3	e5	c5	23	Rc5	R97	43			
4	c3	Nc6	24	Bh6	Rf7	44			
5	Nf3	Qb6	25	Bg5	Qf8	45			
6	a3	a5	26	Bb5	Na7	46			
7	Bd3	cd	27	Bd7	Rd7	47			
8	cd	Bd7	28	Re1	Rb6	48			
9	Bc2	Rc8	29	Ne5	Ne5	49			
10	Nc3	N9e7	30	Re5	R97	50			
11	O-O	N96	31	Bh6	R92+	51			
12	Be3	Be7	32	K92	Qh6	52			
13	Na4	Qc7	33	Q94+	Kh8	53			
14	Rc1	O-O	34	Rc7	Rb8	54			
15	Bd3	a4	35	Rth5	Rh5	55			
16	Nc5	Bc5	36			56			
17	Rc5	b6	37			57			
18	Rc3	f6	38			58			
19	Ba6	Rb8	39			59			
20	ef	b5	40			60			
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)			
LanJue ming				Mao, Xiaoxian		chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Date
2026.7.19Group
B12
Round
5
Board
54

WHITE				FED		240.11		54			
LanJue ming						CHN		RESULT (W) 1			
BLACK				FED				RESULT (B) 0			
Mao, Xiaoxian											
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	e4	e6	21	f9	Rf7	41					
2	d4	d5	22	a4	b4	42					
3	e5	c5	23	Rc5	Rg7	43					
4	c3	Nc6	24	Bh6	Rf7	44					
5	Nf3	Qb6	25	Bg5	Qf8	45					
6	a3	a5	26	Bb5	Na7	46					
7	Bd3	cd	27	Bd7	Rd7	47					
8	cd	Bd7	28	Re1	Rb6	48					
9	Bc2	Rc8	29	Ne5	Ne5	49					
10	Nc3	Nge7	30	Re5	Rg7	50					
11	O-O	N96	31	Bh6	Rg2	51					
12	Be3	Be7	32	Kg2	Qh6	52					
13	Na4	Qc7	33	Kh8	Rb8	53					
14	Rc1	O-O	34	Rc5		54					
15	Bd3	Qd8	35			55					
16	Nf5	Bc5	36			56					
17	Rc4	b6	37			57					
18	Rc3	f6	38			58					
19	Bab	Rb8	39			59					
20	ef	b5	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
LanJue ming				Mao, Xiaoxian				chen			



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B2
Round 5
Date 2026.7.19 Board 15

WHITE		CHN		RESULT (P)	
Cheng, Yungqi		CHN		0	
BLACK		CHN		RESULT (B)	
Sun, Yitong		CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Rc2	Kf8
2		s3	22	Ra1	Rd6
3	Bf2	eb	23	bt	Ba3
4	Nf3	ds	24	Qa1	Qe7
5	0-0	Rb6	25	bc	bc
6	d4	cb	26	Rd4	Rd6
7	Nf3	0-0	27	Rc5	Rc5
8	cd	ad	28	Rc5	Ra8
9	Nc4	Rd6	29	Ra5	Rf8
10	f4	Nd7	30	Jab	ab7
11	B3	Rc8	31	Qe2	at
12	Qe2	Nb6	32	Ra1	at
13	Rd2	Nd4	33	Rc3	Bb6
14	Q3	de	34	ab2	ab
15	Nc4	Qf2	35	Bf1	Qa7
16	Nc4	Qf2	36	Qa3	Rb6
17	Nc4	Bc7	37	Kf2	Qa5
18	bt	Nf4	38	Rc5	Qd2
19	Q5	Bc4	39	Be2	Ed5
20	Rd1	Bd5	40	Rc3	Rd7
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Cheng, Yungqi		Sun Yitong		chen	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B2
Round 5
Date 2026.7.19 Board 33

WHITE		CHN		RESULT (P)	
Cheng, Yungqi		CHN		0	
BLACK		CHN		RESULT (B)	
Sun Yitong		CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	f5	21	Rc2	Kf8
2	Q3	Nb6	22	Ra1	Rd6
3	Bf2	eb	23	bt	Ba3
4	Nf3	ds	24	Qa1	Qe7
5	0-0	Rb6	25	bc	bc
6	d4	cb	26	Rd4	Rd6
7	Nf3	0-0	27	Rc5	Rc5
8	cd	ad	28	Rc5	Ra8
9	Nc4	Rd6	29	Ra5	Rf8
10	f4	Nd7	30	Jab	ab7
11	B3	Rc8	31	Qe2	at
12	Qe2	Nb6	32	Ra1	at
13	Rd2	Nd4	33	Rc3	Bb6
14	Q3	de	34	ab2	ab
15	Nc4	Qf2	35	Bf1	Qa7
16	Nc4	Qf2	36	Qa3	Rb6
17	Nc4	Bc7	37	Kf2	Qa5
18	bt	Nf4	38	Rc5	Qd2
19	Q5	Bc4	39	Be2	Ed5
20	Rd1	Bd5	40	Rc3	Rd7
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Cheng, Yungqi		Sun Yitong		chen	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B2
Round 5
Date 2026.7.19 Board 15

WHITE		CHN		RESULT (P)	
Cheng, Yungqi		CHN		0	
BLACK		CHN		RESULT (B)	
Sun Yitong		CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	ke1	Rd6	21		
2	Rd6	ke6	22		
3	Kd1	f6	23		
4	Rf1	f2	24		
5	Kc1	Re2	25		
6	ds	Re1	26		
7	Kc2	f1a	27		
8	Rf1	Rf1	28		
9	db	Rf6	29		
10	d7	rd6	30		
11	db	Rb6	31		
12	Kc3	Rf1	32		
13	Kc4	Qe3	33		
14	Kc5	e2	34		
15	Kc4	el3	35		
16	Kc5	Qc1	36		
17	Kb6	Rd8	37		
18	Ka7	Rf1	38		
19			39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Cheng, Yungqi		Sun Yitong		chen	

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛

Group B2
Round 5
Date 2026.7.19 Board 33

WHITE		CHN		RESULT (P)	
Cheng, Yungqi		CHN		0	
BLACK		CHN		RESULT (B)	
Sun Yitong		CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Rd2	ke1	21		
2	Kf3	Rd8	22		
3	Ke3	Kd1	23		
4	f3	Rd8	24		
5	Qf1	Kc1	25		
6	Rd1	Q5	26		
7	Re1	Kc2	27		
8	f1-Q	Rd1	28		
9	Rd1	d6	29		
10	Rd6	d7	30		
11	Rd6	db-Q	31		
12	Rd6	Kc3	32		
13	Kf2	Kc4	33		
14	Q3	Kc5	34		
15	e2	Kc4	35		
16	el-Q	Kc5	36		
17	Qc1	Kb6	37		
18	Rd8	Ka7	38		
19	Qc7		39		
20			40		
SIGNATURE (WHITE)		SIGNATURE (BLACK)		SIGNATURE (ARBITER)	
Cheng, Yungqi		Sun Yitong		chen	



16:31

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19/7

Group B12

Round 5

Board 56

WHITE				Wong, Hoi Cheung				FED HKG		RESULT (W) 0	
BLACK				Weng, Hao Teng				FED CHN		RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK			
1	Nf3	d5	21	Bf3	c5	41					
2	g3	Nf6	22	dxc5	Bxc5	42					
3	Bg2	e6	23	Nd3	Qxg3	43					
4	O-O	Bd6	24	Bg2	Bc6	44					
5	d5	O-O	25	Vf4	Qxf4	45					
6	c6 Nb2	c6	26	Bxc6	bxc6	46					
7	c4	Re8	27	Re5	Qg4+	47					
8	b3	Nd7	28	Kf1	Qxh4	48					
9	Bb2	Bf8	29	Bg3	Qh4	49					
10	Qc2	h6	30	Ke2	Qe4	50					
11	e4	dxe4	31	Qxe4	Nxe4	51					
12	Nxe4	Nxe4	32	Rxd4	Rxd6	52					
13	Qxe4	Nf6	33	Bc7	Nc7+	53					
14	Qc2	Rb8	34	Ke1	Rd2	54					
15	Ne5	Bd7	35	Bxa5	Rxf4	55					
16	Ra1	Qc7	36	Kg1		56					
17	Rfe1	at3	37			57					
18	a5	Rb8	38			58					
19	a3	a5	39			59					
20	h4	Bd6	40			60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
almo				Weng				chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12

Round 5

Board 56

WHITE					FED		RESULT (W)	
Wang Hoi Cheung					HKG		0	
BLACK					FED		RESULT (B)	
Weng Hao Teng					CHN		1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	Nf3	d5	21	d6	Bc5	41		
2	g3	Nf6	22	Nd3	Qxg3	42		
3	Bg2	e6	23	Bb2	Bc6	43		
4	O-O	Bd6	24	Nf4	Qxf4	44		
5	d4	O-O	25	Bc6	b6	45		
6	Nb2	c6	26	Bc6	Qxg4	46		
7	c4	Ke8	27	Kf1	Qh4	47		
8	b3	Nb7	28	Bb2	Qxh4	48		
9	Bb2	Bf8	29	Ke2	Qe4	49		
10	Qc2	h6	30	Qe4	Nf6	50		
11	e4	ae	31	Rd8	Rd8	51		
12	Nxe4	Nxe4	32	Bc7	Nc3	52		
13	Qxe4	Nf6	33	Kf1	Rd2	53		
14	Qc2	Rb8	34	Ba5	Rf2	54		
15	Ne5	Bd7	35	Ba5	Nf2	55		
16	Ra1	Qc7	36			56		
17	Rfe1	Rbd8	37			57		
18	a3	a5	38			58		
19	h4	Bd6	39			59		
20	Bf3	c5	40			60		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)		
Wang Hoi Cheung			Weng Hao Teng			chen		



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **PL**
Round **5**
Date **7/5/27**
Board **57**

WHITE Yang Jinjun				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
BLACK 许瑞宸				FED CHN				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rf3	g6	41					
2	c4	e6	22	g4	Rb7	42					
3	a3	d4	23	g3	Rb6	43					
4	a5	Bd7	24	exd5		44					
5	Nc3	0-0	25			45					
6	Nf3	b6	26			46					
7	b4	a5	27			47					
8	Bf4	Nh5	28			48					
9	Bg3	axb4	29			49					
10	axb4	Rxa8	30			50					
11	Qxa8	bxc5	31			51					
12	bxc5	Bh3	32			52					
13	Qh4	c6	33			53					
14	Qxd8	Rxd8	34			54					
15	Ne4	Nxg3	35			55					
16	Lxg3	BB	36			56					
17	f4	Bf5	37			57					
18	fxf5	Nd1	38			58					
19	e4	Bd8	39			59					
20	Rxf1	Rb8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) Yang Jinjun				SIGNATURE (BLACK) xu ruichen				SIGNATURE (ARBITER) chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **DE**
Round **5**
Date **7/5/27**
Board **57**

WHITE Yang Jinjun				FED CHN				RESULT (W) 0.5			
BLACK 许瑞宸				FED CHN				RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Rf3	g6	41					
2	c4	e6	22	g4	Rb7	42					
3	a3	d4	23	g3	Rb6	43					
4	a5	Bd7	24	exd5		44					
5	Nc3	0-0	25			45					
6	Nf3	b6	26			46					
7	b4	a5	27			47					
8	Bf4	Nh5	28			48					
9	Bg3	axb4	29			49					
10	axb4	Rxa8	30			50					
11	Qxa8	bxc5	31			51					
12	bxc5	Bh3	32			52					
13	Qh4	c6	33			53					
14	Qxd8	Rxd8	34			54					
15	Ne4	Nxg3	35			55					
16	Lxg3	BB	36			56					
17	f4	Bf5	37			57					
18	fxf5	Nd1	38			58					
19	e4	Bd8	39			59					
20	Rxf1	Rb8	40			60					
SIGNATURE (WHITE) 许瑞宸				SIGNATURE (BLACK) Yang Jinjun				SIGNATURE (ARBITER) chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/19

Group B12
Round 5
Board 58

WHITE Yue, shen hai				FED CHN 1457				RESULT (W) 1			
BLACK Xu, Yuxuan				FED CHN 0				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	f3	Bc6	41	Kg7	Kg4			
2	Nf3	a6	22	Bg5	dcd5	42	Kg6	Rf5			
3	d4	cd	23	cd	Bd5	43	f6	h4			
4	Nxd4	e5	24	Bh7	Kd7	44	Kf7	h5			
5	Nf3	Nf6	25	Bc3	Rc8	45	Kg7	Kf4			
6	Nc3	Bb4	26	Bf5	Be6	46	Kf7	g4			
7	Bg5	Qc7	27	Be6	Ne6	47	Kg7	fg			
8	Bd3	Bc3	28	Rd1/Rb1	Ke7	48	Kg5	Kh7			
9	Bc	Qc3	29	Rb1	Kf6	49	h6	Kg8			
10	Nd2	db	30	Rd2	Nd4	50	Kg6	Kh8			
11	O-O	Nd7	31	Nd4	ed	51	Rf8				
12	Qf3	h6	32	Rd4	Rc2	52					
13	Be3	Nf6??	33	Rb7	Rc1	53					
14	Bh6!	Nd7	34	Rk92	Rc2	54					
15	Bg7	Rh7	35	Kh3	Ra2	55					
16	Bf6	Qd2	36	Ra7	Ra3	56					
17	g3	Qh6	37	Rd6	Kg7	57					
18	Bh4	Nc5	38	Ra6	Rf3	58					
19	Qf6	Rf6	39	Rd4	Rf6	59					
20	Bf6	Bg4	40	Kf6	Rp4	60					
SIGNATURE (WHITE) Yue, shen hai				SIGNATURE (BLACK) Xu, Yuxuan				SIGNATURE (ARBITER) chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 2026 7/19

Group B12
Round 5
Board 58

WHITE Yue, shen hai				FED CHN				RESULT (W) 1			
BLACK Xu, Yuxuan				FED CHN				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	f3	Bc6	41	Rf4	Kg7			
2	Nf3	a6	22	Bg5	d5	42	Kg4	Kg6			
3	d4	cd	23	ed	Bd5	43	Rf5	f6			
4	Nxd4	e5	24	Bh7	Kd7	44	h4	Kf7			
5	Nf3	Nf6	25	Be3	Rc8	45	h5	Kg7			
6	Nc3	Bb4	26	Bf5	Be6	46	Kf4	Kf7			
7	Bg5	Qc7	27	Be6	Ne6	47	g4	Kg7			
8	Bd3	Bc3	28	Rd1	Ke7	48	g5	f7			
9	Bc	Qc3	29	Rab1	Kf6	49	Kg5	Rh7			
10	Nd2	db	30	Rd2	Nd4	50	h6	Kg8			
11	O-O	Nd7	31	Bd4	ed	51	Kg6	Kh8			
12	Qf3	h6	32	Rd4	Rc2	52					
13	Be3	Nf6	33	Rb7	Rc1	53					
14	Bh6	Nd7	34	Rg2	Rc2	54					
15	Bg7	Rh7	35	Kh3	Ra2	55					
16	Bf6	Qd2	36	Rd7	Ra3	56					
17	g3	Qh6	37	Rd6	Kg7	57					
18	Bh4	Nc5	38	Ra6	Rf3	58					
19	Qf6	Rf6	39	Rd4	Rf6	59					
20	Bf6	Bg4	40	Rf6	Rf6	60					
SIGNATURE (WHITE) Yue, shen hai				SIGNATURE (BLACK) Xu, Yuxuan				SIGNATURE (ARBITER) chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	C4	C6	21	Qxf3	Qxf3	61	Rd7	Rd7	Rd7	Rd7	Rd7
2	d4	d5	22	Kf1	Rd4	62	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
3	Bd5	Cd5	23	h5	Qd4	63	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
4	Bc4	Nc4	24	Qxf4	Rd4	64	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
5	Bd3	Bd4	25	Rd4	Rd4	65	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
6	Nf3	e6	26	Kg2	Rd4	66	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
7	C3	Nc6	27	Kf3	Rd4	67	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
8	Nb2	Bd6	28	Kd3	Rd4	68	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
9	Bg3	O-O	29	Rd1	Rd4	69	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
10	Qc2	Bd5	30	C3	Nc6	70	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
11	h3	Rd5	31	Rd2	Rd4	71	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
12	Rd2	Rd5	32	Kd2	Rd4	72	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
13	Rd2	Rd5	33	Kd2	Rd4	73	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
14	Rd2	Rd5	34	Kd2	Rd4	74	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
15	Qd3	Nc4	35	Q3	O5	75	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
16	g4	Nd2	36	Kd3	Kd6	76	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
17	Qd2	Bd1	37	Rd1	Rd5	77	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
18	Qd3	Bd5	38	Rd1	Rd5	78	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
19	Bd5	Qd7	39	Rd1	E5	79	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
20	h4	Bd5	40	gxf4	Kxf5	80	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	C4	e6	21	Qxf3	dex	41	Rd1	Kf6	Rd1	Kf6	Kf6
2	d4	d5	22	Kf1	Rd4	42	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
3	ed	ed	23	h5	Qd4	43	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
4	Bd4	Nd6	24	Qd4	Rd4	44	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
5	Bd3	Bd4	25	Rd4	Rd4	45	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
6	Nf3	ob	26	Kd2	Rd4	46	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
7	C3	Nc6	27	Kd3	Rd4	47	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
8	Nb2	Bd6	28	Kd3	Rd4	48	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
9	Bg3	O-O	29	Rd1	Rd4	49	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
10	Qc2	Bd5	30	C3	Nc6	50	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
11	h3	Rd5	31	Rd2	Rd4	51	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
12	Rd2	Rd5	32	Kd2	Rd4	52	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
13	Rd2	Rd5	33	Kd2	Rd4	53	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
14	Rd2	Rd5	34	Kd2	Rd4	54	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
15	Qd3	Nc4	35	Q3	O5	55	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
16	g4	Nd2	36	Kd3	Kd6	56	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
17	Qd2	Bd1	37	Rd1	Rd5	57	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
18	Qd3	Bd5	38	Rd1	Rd5	58	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
19	Bd5	Qd7	39	Rd1	E5	59	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4
20	h4	Bd5	40	gxf4	Kxf5	60	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4	Rd4

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	b5	h2	21	Kg2	Qd3	41					
2	Kg2	h1a4	22	Kh1	Qd2	42					
3	Kh1	Kxf3	23	Kg1	b5	43					
4	Kg1	e4	24	Kh1	b4	44					
5	Kel	Kd3	25	Kg1	b3	45					
6	Kel	Kj3	26	Kh1	b2	46					
7	Kd1	Kxc3	27	Kg1	b1a4	47					
8	Kd1	e3	28			48					
9	Kd1	d4	29			49					
10	Kd1	d3	30			50					
11	Kd1	e2a	31			51					
12	Kd1	d2a	32			52					
13	Kd2	Kd2	33			53					
14	Kd3	d1a	34			54					
15	Kd4	Qd3a	35			55					
16	Kd5	Qd3a	36			56					
17	Kd6	Qd5	37			57					
18	Kd3	Qd4	38			58					
19	Kd3	Qd4	39			59					
20	Kd3	Qd4	40			60					

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



WHITE		BLACK		WHITE		BLACK		WHITE		BLACK	
1	h2	Kg2	21	Qd3	Kh1	41					
2	h1=Q	Kh1	22	Ke2	Kg1	42					
3	Kf3	Kg1	23	b5	Kh1	43					
4	e4	Kf1	24	b4	Kg1	44					
5	Ke3	Kd1	25	b3	Kg1	45					
6	Kd3	Kd1	26	b2	Kh1	46					
7	Kc3	Kd1	27	b1=Q	Kh1	47					
8	e3	Kd1	28			48					
9	d4	Ke1	29			49					
10	d3	Kd1	30			50					
11	e2	Ke1	31			51					
12	d2	Ke2	32			52					
13	Kd2	Ke3	33			53					
14	d1=Q	Ke4	34			54					
15	d3	Ke5	35			55					
16	d5	Ke4	36			56					
17	d5	Kf3	37			57					
18	d4	Kg3	38			58					
19	d4	Kh3	39			59					
20	d4	Kg2	40			60					



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19 Board 61

Group B12
Round 5

WHITE				FED 中				RESULT (W) 1			
BLACK 赵子瑜				FED 中				RESULT (B) 0			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Qe2	NR8	41	Re3	Qb6			
2	Bf4	Bf5	22	Rc1	Qb6	42	Qc3	NR6			
3	c4	e6	23	Qc2	Qc6	43	Rxe3	Qb6			
4	NC3	Nf6	24	Qd2	Qb6	44	Rxe6	Rxe6			
5	Qb3	b6	25	b3	Q3	45	Nxe6	Qxe6			
6	Nb5	Bb6	26	b4	R8	46	Q3	Re8			
7	Bg3	Fb8	27	Rc3	Ra8	47	Qb2	Qe4			
8	Nxg3	O-O	28	Qc1	Qd7	48	Qb3	Qd7			
9	e3	c6	29	Rd1	Re8	49	Rc3	Rd4			
10	Nc3	Nd7	30	Rb3	Nd5	50	d5	exd5			
11	cxg5	cxg5	31	Rc2	Nf6	51	exd5	Qe7			
12	Nf3	a6	32	Qf1	Qf8	52	Rd3	Re8			
13	Qd1	h6	33	Qd1	Rc8	53	Rd8	Re5			
14	Bd3	Nc4	34	Rc3	Nd5	54	Qd3	Qd7			
15	Bxe4	Bxe4	35	Rd1	Nf6	55	d6	Kf8			
16	Nxe4	dxe4	36	Rf1	Nd5	56	Qd4	Re6			
17	Kd2	Nf6	37	Qxe4	Bb6	57					
18	O-O	b5	38	Qe3	Qa7	58					
19	Nb3	Q8	39	f4	Nc7	59					
20	Nc5	Q4	40	Re1	Rd8	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
[Signature]				zhao zi yu				chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 19 Board 60

Group B12
Round 5

WHITE			BLACK			FED		RESULT (W)	
Du Ruipeng			Zhao Zi Yu			Chn		1	
BLACK			WHITE			FED		RESULT (B)	
Zhao Zi Yu			Chn			Chn		0	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	
1	d4	US	21	Rb1	Rg8	41	Re3	Qb6	
2	Bf4	Bf5	22	Nd5	Rc2	42	Qc3	NR6	
3	c4	e6	23	Nf6	Qf1	43	Rxe3	Qb6	
4	Nc3	Nf6	24	Qb3	Qd1	44	Rd1		
5	Qb3	Nb5	25	R3Nd5	Rg8	45	Qe2		
6	Nb6	Nb5	26	Nf6	Rf1	46	Qd7		
7	Rb3	Bg3hxg3	27	Qd4	Bb6	47	Qb6	Kf8	
8	O-O	b6	28	Qd3	e4 Qa7	48	Qb6	Rxe4	
9	O-O	Nd7	29	e4	N7	49	Re6		
10	cxg5	cxg5	30	Re1	Rg8	50	Qb6		
11	Nf3	ab	31	Re3	Q3	51	e6		
12	Rd3	Qd7	32	Rd3	Rd6	52	Qe7	Rx	
13	Rd3	Qd7	33	Rd6	Nb6	53	d7	Re4	
14	Nxe4	fxe4	34	Qd6	a3	54	Re1	Qe1	
15	Nd2	Nf6	35	Rc8	Qd7	55	Kh2		
16	Nb3	a4 Nc4	36	Qb3	Qa7	56			
17	Qc2	Rd1	37	Rc3	Rg8	57			
18	b3	h1	38	d5	exd5	58			
19	Rc3	Ra8	39	exd5	Qd7	59			
20			40			60			
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)			
Du Ruipeng			Zhao Zi Yu			Chen			



28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

2026.7.19

Group B12

Round 5

Board 61

WHITE Zhao Yiren				FED CHN	RESULT (W) 1/2
BLACK Fan Zeyan				FED CHN	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bc2	
2	d4	d5	22		
3	Nc3	Nf6	23		
4	Bg5	d4	24		
5	Ne4	Be7	25		
6	Nf6	Bf6	26		
7	Bf6	Qf6	27		
8	Nf3	Nc6	28		
9	c3	O-O	29		
10	Bd3	h6	30		
11	O-O	Bd7	31		
12	Qe2	Re8	32		
13	Re1	Re7	33		
14	Ne5	ab	34		
15	Qe4	g6	35		
16	Qc3	Ne5	36		
17	Qe5	Qe5	37		
18	Re5	Kg7	38		
19	Re3	c6	39		
20	Re1	Re8	40		
SIGNATURE (WHITE) Zhao			SIGNATURE (BLACK) FanZeyan		SIGNATURE (ARBITER) chen

28th Asian Youth Chess Championships 2026

2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

11.19

Group B12

Round 5

Board 61

WHITE Zhao Yiren				FED CHN	RESULT (W) 1/2
BLACK Fan Zeyan				FED CHN	RESULT (B) 1/2
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	e6	21	Bc2	
2	d4	d5	22		
3	Nc3	Nf6	23		
4	Bg5	de	24		
5	Nxe4	Be7	25		
6	Nxf6	Bxf6	26		
7	Bxf6	Qxf6	27		
8	Nf3	Nc6	28		
9	c3	O-O	29		
10	Bd3	h6	30		
11	O-O	Bd7	31		
12	Qe2	Rfe8	32		
13	Rfe1	Re7	33		
14	Ne5	ab	34		
15	Qe4	g6	35		
16	Qe3	Nxe5	36		
17	Qxe5	Qxe5	37		
18	Rxe5	kg7	38		
19	Re3	c6	39		
20	Rae1	Rae8	40		
SIGNATURE (WHITE) ZhaoYiren			SIGNATURE (BLACK) FanZeyan		SIGNATURE (ARBITER) chen



CS 扫描全能王

3亿人都在用的扫描App

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **B/2**
Round **05**
Date **10/06/26**
Board **02**

WHITE: Zhang Yangyi				FED: CHN				RESULT (R)			
BLACK: Farsat Hossain Ayman				FED: BAN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Bc5	Nxc3	41	Rc1	Qd1f			
2	ec4	ec	22	bxc3	Ne4	42	Rd1	Qd9f			
3	Nc3	Nf6	23	h3	Qe7	43	Kh1	Qd3			
4	Bg5	Be7	24	Nd2	f5	44	Qf3				
5	e3	O-O	25	Nxe4	Rxe4	45					
6	Nf3	c6	26	Qx4	b5	46					
7	Bd3	Nbd7	27	Qx3	Rf7	47					
8	O-O	b6	28	f3	Qa3	48					
9	Cxd5	Cxd5	29	Rc2	a5	49					
10	Rc1	Bb7	30	Rb1	b4	50					
11	Bb1	h6	31	Bd6	Qa9	51					
12	Bh4	Qc7	32	Qf2	exf3	52					
13	Bg3	Bd6	33	Qxf3	Rxf3	53					
14	Nb5	Qd8	34	Qe2	Qc6	54					
15	Nxd6	Ba6	35	Bf4	bxc3	55					
16	Bd3	Bxd3	36	Qg2	Rxf4	56					
17	Qxd3	Cc5	37	exf4	Qd6	57					
18	Nb5	C4	38	Qdxd5	Kh7	58					
19	Qd1	Ne4	39	Qxd8	Qxd9	59					
20	QNC3	Nf6	40	Rf2	C2	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
章阳溢				A. Hossain				chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Group **B/2**
Round **05**
Date **10/06/26**
Board **02**

WHITE: Zhang Yangyi				FED: CHN				RESULT (R)			
BLACK: Farsat Hossain Ayman				FED: BAN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nc3	b6	41	Kf1	Qd4			
2	c4	e6	22	h3	Qe7	42	Kh1	Qd3			
3	Nc3	Nf6	23	Nd2	f5	43	Qf3				
4	Bg5	Be7	24	Ne4	f6	44					
5	e3	O-O	25	Qg4	b5	45					
6	Nf3	c6	26	Qg3	Rf7	46					
7	Bd3	Nbd7	27	f3	Qd3	47					
8	O-O	b6	28	Rc2	d5	48					
9	cd	ed	29	Rb1	b4	49					
10	Rc1	Bb7	30	Bd6	Qa4	50					
11	Bb1	h6	31	Qf2	ef	51					
12	Bh4	Qc7	32	gf	Rf3	52					
13	Bg3	Bd6	33	Qd2	Qb4	53					
14	Nb5	Qd8	34	bc	Qg2	54					
15	Nxd6	Ba6	35	X	Rf4	55					
16	Bd3	Bd3	36	ef	Qf6	56					
17	Qd3	C5	37	Qd5	Kh7	57					
18	Nb5	C4	38	Qc8	Qd54	58					
19	Qd1	Ne4	39	Qxf2	C2	59					
20	Nc3	Be5	40	Rc1	Qd1	60					
SIGNATURE (WHITE)				SIGNATURE (BLACK)				SIGNATURE (ARBITER)			
章阳溢				A. Hossain				chen			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date 7/19/26

Group B12
Round 5
Board 63

WHITE Lee, Jho				FED KOR				RESULT (W) 0			
BLACK Huang, Ziyuan				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Na4	Qb5	41					
2	c3	e6	22	Nc3	Qxb2	42					
3	d4	cx d4	23	Rb1	Qxa3	43					
4	cx d4	d5	24	O-O	Qc5+	44					
5	e5	Nc6	25	Kh1	Ne7	45					
6	Nf3	Qb6	26	Rfc1	Rc8	46					
7	Bd3	Bb4+	27	Ne2	Qa5	47					
8	Nc3	Bd7	28	Nd4	Rxc1+	48					
9	a3	Be7	29	Rxc1	Qb6	49					
10	Na4	Qc7	30	Nb3	Nf5	50					
11	Bg5	Bxg5	31	Qc3	d4	51					
12	Nxg5	Nxd4	32	Qf3	Rc8	52					
13	f4	h6	33	Rb1	Qcb	53					
14	Qh5	O-O-O	34	Qf2	Qc2	54					
15	Nc3	Kb8	35	Qe1	Rc3	55					
16	Nf3	Nxf3	36	Na5	Rc7	56					
17	Qxf3	Bc6	37	g3	Ne3	57					
18	Bb5	Bb5	38	Qg1	Qe4	58					
19	Nxb5	Qa5+	39			59					
20	Nc3	Qb6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Si</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Huang Ziyuan</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



Date

Group B12
Round 5
Board 63

WHITE Jho Lee				FED KOR				RESULT (W) 0			
BLACK Huang Ziyuan				FED CHN				RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Na4	Qb5	41					
2	c3	e6	22	Nc3	Qb2	42					
3	d4	cx d4	23	Rb1	Qxa3	43					
4	cx d4	d5	24	O-O	Qc5	44					
5	e5	Nc6	25	Kh1	Ne7	45					
6	Nf3	Qb6	26	Rc1	Rc8	46					
7	Bd3	Bb4	27	Na2	Qa5	47					
8	Nc3	Bd7	28	Nd4	Rxc1	48					
9	a3	Be7	29	Rxc1	Qb6	49					
10	Na4	Qc7	30	Nb3	Nf5	50					
11	Bg5	Bxg5	31	Qc3	d4	51					
12	Nxg5	Nxd4	32	Qf3	Rc8	52					
13	f4	h6	33	Rb1	Qc6	53					
14	Qh5	O-O-O	34	Qf2	Qc2	54					
15	Nc3	Kb8	35	Qe1	Rc3	55					
16	Nf3	Nxf3	36	Na5	Rc7	56					
17	Qxf3	Bc6	37	g3	Ne3	57					
18	Bb5	Bb5	38	Qg1		58					
19	Nxb5	Qa5	39			59					
20	Nc3	Qb6	40			60					
SIGNATURE (WHITE) <i>Si</i>				SIGNATURE (BLACK) <i>Huang Ziyuan</i>				SIGNATURE (ARBITER) <i>chen</i>			



28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



17.33
Group
B12
Round
P=5
Date
Round
64

WHITE: AZIMOV Azimkhon				FED: KAZAKHSTAN				RESULT (W)			
BLACK: Lin Hongyue				FED: CHINA				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Kd4	Kd5	41	Ne1	f5			
2	Kf5	Kf6	22	f8	Kf5	42	Ch3	Kp5			
3	g3	e6	23	Qd9	Qb4	43	Ne5	c6b			
4	c92	C5	24	f3	Nc1	44	Kp5h	Ne5			
5	C3	Kc6	25	Kd1	Ne5	45	Ne1	Ne5			
6	O-O	C2	26	e4	Nf1	46	Kh1	Kf3			
7	C2	C2b	27	Kd4	C95	47	Nd1	Nf2X			
8	Kc3	Cd4	28	C95	Cc5	48					
9	Q3	O-O	29	Cf5	g4	49					
10	Kd5	Ce4	30	Kd1	f5	50					
11	Cd2	Qd5	31	e2	Qd5	51					
12	Kc3	Kd5	32	f4	Qd6	52					
13	Q3	Kc4	33	Qh5	Qe4	53					
14	Nb1	Nb8	34	g4	Qf6	54					
15	Ne1	b5	35	Ch3	Qg6	55					
16	Q4	b4	36	Qh4	Kd1	56					
17	Kd2	Q5	37	Qd1	f5	57					
18	b3	Kd3	38	b25	Qd4	58					
19	Nc1	Qb6	39	Qd4	Kp5h	59					
20	Kc5	Cd6	40	Cg4	Nd2	60					
SIGNATURE (WHITE) AZIMOV Azimkhon				SIGNATURE (BLACK) Lin, Hongyue				SIGNATURE (ARBITER) Luey			

28th Asian Youth Chess Championships 2026
2026年第28届亚洲青少年国际象棋锦标赛



7.27
Group
B12
Round
P=5
Date
Round
64

WHITE: Azimov Azimkhon				FED: KAZ				RESULT (W)			
BLACK: Lin, Hongyue				FED: CHN				RESULT (B)			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nd1	Nd1	41	f5	Qh2			
2	Nf3	Nf6	22	Qd4	Nf6	42	Kf6	Rd5			
3	g3	e6	23	Qd1	Qb7	43	Bb6	Kg2			
4	Qj2	C5	24	f3	Rc1	44	Rc8	Re1			
5	C3	Nc6	25	Nc1	Rc8	45	Rc2	Rf1			
6	O-O	Cd	26	e4	Nc2	46	Nf3	Rd1			
7	Cd	Bd6	27	Rf1	Nd4	47	Rf2				
8	Nc3	Bd7	28	Bd5	Bc5	48					
9	e3	O-O	29	Bf6	Jf	49					
10	Nb5	Bd7	30	Kh1	f5	50					
11	Bd2	a6	31	ed	Qd5	51					
12	Nc3	Nd5	32	f4	Qd6	52					
13	Q3	Nc4	33	Qh5	Qd7	53					
14	Rb1	Rc8	34	g4	Qf6	54					
15	Re1	b5	35	Bh3	Qd6	55					
16	Q4	b4	36	Qh4	Kh8	56					
17	Na2	Q5	37	Qe1	f9	57					
18	b3	Na3	38	Qd5	Qd7	58					
19	Rc1	Qb6	39	Qd7	Kg7	59					
20	Ne5	Bd6	40	Bd4	Re8	60					
SIGNATURE (WHITE) AZIMOV Azimkhon				SIGNATURE (BLACK) Lin, Hongyue				SIGNATURE (ARBITER) Luey			

